

Yên Phong, ngày 21 tháng 01 năm 2026

Số: 11/TB-BVĐK

V/v yêu cầu báo giá Vật tư, hoá chất,
sinh phẩm, linh phụ kiện

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Yên Phong có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư, hoá chất, sinh phẩm, linh phụ kiện phục vụ hoạt động thường xuyên giai đoạn 2026-2028 của Bệnh viện Đa khoa Yên Phong với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Yên Phong

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Lê Thị Bạch Như, Khoa Dược-VTTBYT

Số điện thoại: 0972.053.586

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận bản cứng báo giá tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Yên Phong.

Địa chỉ: Đường Huỳnh Thúc Kháng, xã Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Nhận bản pdf có đầy đủ dấu, chữ ký qua email: ttytyenphong@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 21/01/2026 đến trước 10 giờ 00 phút ngày 02/02/2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 02/02/2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục vật tư, hoá chất, sinh phẩm, linh phụ kiện phục vụ hoạt động thường xuyên giai đoạn 2026-2028 của Bệnh viện Đa khoa Yên Phong như sau:

(Theo Phụ lục 01: Danh mục yêu cầu báo giá kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản:

- Giao hàng tại Kho khoa Dược - Vật tư - thiết bị Y tế, Bệnh viện Đa khoa Yên Phong.

- Hàng hóa được bảo quản theo yêu cầu của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Hàng hóa được cung cấp theo yêu cầu của Bệnh viện. Dự kiến thời gian thực hiện hợp đồng là 24 tháng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản vào Tài khoản của Bên bán tại ngân hàng của Bên Bán. Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu trên cơ sở khối lượng hàng hóa cung cấp.

- Điều kiện thanh toán và thời hạn thanh toán: Bên mua sẽ thanh toán cho Bên bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn tất thủ tục mua bán theo quy định (hóa đơn, biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa và các giấy tờ liên quan khác theo quy định hiện hành).

- Đồng tiền thanh toán theo Hợp đồng: Là Đồng Việt Nam.

5. Mẫu báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tham khảo theo *Phụ lục số 02: Mẫu báo giá đính kèm*.

Rất mong sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử SYT Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử của Bệnh viện;
- Lưu: VT, HST.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thùy Dương

Phụ lục 01: Danh mục yêu cầu báo giá

(Kèm theo Thông báo số 11/TB-BVĐK ngày 21/01/2026 của BVĐK Yên Phong)

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I	Hoá chất xét nghiệm (85 mặt hàng)			
1	Chất chuẩn các thông số sinh hóa	Hoá chất hiệu chuẩn được đông khô dựa trên huyết thanh người. Nồng độ và đặc tính phù hợp với chuẩn của các thử nghiệm hoá học lâm sàng. Quy cách: 1 hộp (4 x3 ml)	Hộp	31
2	Chất chuẩn thông số xét nghiệm CRP	Hoá chất chuẩn bị đường cong tham chiếu để định lượng miễn dịch xác định CRP Thành phần: Dung dịch pha loãng của huyết tương và dịch phổi chứa hàm lượng CRP cao với dung dịch muối đệm phosphate Đóng gói 1 chai/lọ (1 x 1ml)	Chai/lọ	31
3	Chất chuẩn thông số xét nghiệm FERR	Chất hiệu chuẩn để xác định miễn dịch độ đục của ferritin trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần: huyết tương người ở dạng lỏng, không tán huyết, có chất ổn định và chất bảo quản (Natri azide < 0,1 %). Đóng gói 1 chai/lọ (1x 1ml).	Chai/lọ	4
4	Chất chuẩn thông số xét nghiệm HBA1c	Gồm năm mẫu chuẩn đông khô với các mức độ khác nhau dựa trên nguyên liệu máu người (hồng cầu) Đóng gói 1 hộp (5 x 0,5ml)	Hộp	12
5	Chất kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa	Dùng để theo dõi chính xác và độ lặp lại của các xét nghiệm sinh hoá ở mức bình thường Thành phần: Huyết thanh người với các chất phụ gia và các chất chiết xuất mô có nguồn gốc người và động vật, một số loại kháng vi khuẩn, ở dạng đông khô. Quy cách: 1 hộp (4 x5 ml)	Hộp	62
6	Chất kiểm tra giá trị cao các thông số xét nghiệm sinh hóa	Dùng để theo dõi chính xác và độ lặp lại của các xét nghiệm sinh hoá ở mức bệnh lý Thành phần: Huyết thanh người với các chất phụ gia và các chất chiết xuất mô có nguồn gốc người và động vật, một số loại kháng vi	Hộp	62

		khuẩn, ở dạng đông khô. Quy cách: 1 hộp (4 x 5 ml)		
7	Chất kiểm tra HbA1c Mức cao	Thành phần: Là một bộ gồm bốn mẫu chứng đông khô dựa trên vật liệu máu (hồng cầu), nồng độ HbA1c trong đó là bệnh lý. Quy cách: 1 hộp (4 x 0,5 ml)	Hộp	31
8	Chất kiểm tra HbA1c Mức thấp	Thành phần: Là một bộ gồm bốn mẫu chứng đông khô điều khiển dựa trên vật liệu máu (hồng cầu), nồng độ HbA1c trong đó là bình thường. Quy cách: 1 hộp (4 x 0,5 ml)	Hộp	31
9	Định lượng Calci toàn phần	Thuốc thử định lượng calcium trong huyết thanh. Thành phần: Arsenazo III 0,10 mmol/l Phosphate buffer (pH 7,8 ± 0,1) 50 mmol/l. Đóng gói 1 hộp 10 x 12ml.	Hộp	16
10	Dung dịch Acid rửa máy xét nghiệm sinh hóa	Thành phần hóa chất: Dung dịch lỏng chứa thành phần chính Hydrochloric Acid tỷ trọng khoảng 0,2-0,3%. Quy cách: 1 chai/lọ 500 ml	Chai/Lọ	140
11	Dung dịch kiềm rửa máy xét nghiệm sinh hóa	Thành phần hóa chất: Dung dịch lỏng chứa thành phần chính Sodium Hydroxide tỷ trọng ≤ 3,0 %. Quy cách: 1 chai/lọ 500 ml	Chai/Lọ	150
12	Dung dịch rửa máy sinh hoá XL 1000	Dung dịch rửa sử dụng trên máy sinh hoá XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals Quy cách: hộp 4 x 100 ml	Hộp	300
13	Dung dịch rửa máy điện giải bán tự động	Loại bỏ protein hình thành trong màng điện cực và đường ống bơm hút, giúp bảo vệ điện cực, dùng cho máy điện giải Erba Lyte Thành phần: NaClO 1%, Tween 20: 0,1% Quy cách: Quy cách: 1 chai/lọ 100 ml	Chai/lọ	10
14	Hóa chất điện giải 4 thông số Na/K/Ca/PH	Hóa chất điện giải 4 thông số Na/K/Ca/PH dùng cho máy điện giải Erba Lyte. Thành phần: Standard A 650ml (Na: 140 mmol/l, K: 4,0 mmol/l, Cl: 100 mmol/l, Ca: 1,0 mmol/l) Standard B 350ml (Na: 110 mmol/l, K: 8,0 mmol/l, Cl: 70 mmol/l, Ca: 2,0 mmol/l).	Hộp	20

		Quy cách 1 hộp (A: 650ml + B: 350ml).		
15	Hóa chất điện giải sử dụng trên máy sinh hóa tự động	Hóa chất điện giải sử dụng trên máy sinh hóa tự động Thành phần: Calibrant A, 520 ml: Na + 140,0 mmol / l, K + 4,00 mmol / l, Cl- 125,0 mmol / l, Li + 1,00 mmol / l. Calibrant B, 190 ml: Na + 70,0 mmol / l, K + 8,00 mmol / l, Cl- 41,0 mmol / l, Li + 0,40 mmol / l, chất đệm, chất bảo quản, chất làm ướt. Quy cách 1 hộp (A: 1 x 520 ml, B: 1 x 190 ml).	Hộp	68
16	Hóa chất điện giải cho máy EC 90	Hóa chất xét nghiệm điện giải trong huyết thanh; dùng trên máy xét nghiệm điện giải EC 90 của hãng Erba Lachema S.R.O Thành phần: 1) EC cartridge Dung dịch hiệu chuẩn 1: Na+ 150 mmol/l, K+ 5 mmol/l, Cl- 103 mmol/l, dung dịch đệm, chất bảo quản, chất làm ướt Dung dịch hiệu chuẩn 2: Na+ 105 mmol/l, K+ 2 mmol/l, Cl- 71,1 mmol/l, dung dịch đệm, chất bảo quản, chất làm ướt Dung dịch tham chiếu: K+ 1,2 mol/l, dung dịch đệm, chất bảo quản, chất làm ướt 2) Cảm biến sinh học EC	Test	20.000
17	Hóa chất xét nghiệm Uric Acid sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động	Thuốc thử định lượng của Uric Acid trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu. Thành phần: R1: Pipes Buffer (pH 7,0) 50 mmol/l 4-Aminoantipyrine 0,375 mmol/l Uricase \geq 200 U/l R2: Pipes Buffer (pH 7,0): 50 mmol/l TOOS: 1,92 mmol/l Peroxidase \geq 5000 U/l Quy cách: 1 hộp (R1:5 x 44 ml, R2:5 x 11 ml).	Hộp	17

18	Chất kiểm tra nhóm Protein mức cao	Mục đích: kiểm soát chính xác để xác định protein trong huyết thanh bằng phép đo độ đục và đo nephelometric. Thành phần: Pha loãng huyết tương của người với muối đệm phosphat. Chứa chất ổn định, và chất bảo quản 0,09 g% sodium azide. Quy cách: 1 chai/lọ (1 x1 ml)	Chai/lọ	31
19	Chất kiểm tra nhóm Protein mức thấp	Mục đích: kiểm soát chính xác để xác định protein trong huyết thanh bằng phép đo độ đục và đo nephelometric. Thành phần: Pha loãng huyết tương của người với muối đệm phosphat. Chứa chất ổn định, và chất bảo quản 0,09 g% sodium azide. Quy cách: 1 chai/lọ (1x1 ml)	Chai/Lọ	31
20	Dung dịch rửa cho module điện giải trên máy sinh hóa tự động	Dùng để vệ sinh đường ống dẫn dịch của mô đun ISE của máy sinh hóa tự động XL-1000 hãng Transasia Bio - Medicals Thành phần: Protease (vi khuẩn) 0,06 microgam/mét khối Propylene glykol > 3% Quy cách: hộp 1x52ml	Hộp	31
21	Hóa chất định lượng nồng độ ALT/GPT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Thuốc thử định lượng ALT/GPT trong huyết thanh Thành phần: R1: Tris buffer (pH 7,5): 137,5 mmol/l L-Alanine: 709 mmol/l LDH (microbial) \geq 2000 U/l R2: CAPSO: 20 mmol/l 2-oxoglutarate: 85 mmol/l NADH: 1,05 mmol/l. Quy cách: 1 hộp (R1:6x72 ml, R2: 6x22 ml).	Hộp	103
22	Hóa chất định lượng nồng độ AST/GOT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Thuốc thử định lượng AST/GOT trong huyết thanh. Thành Phần: R1: Tris buffer (pH 7,8):110 mmol/l L-aspartic acid: 340 mmol/l LDH \geq 4000 U/l MDH \geq 750 U/l R2: CAPSO: 20 mmol/l 2-oxoglutarate: 85 mmol/l NADH: 1,05 mmol/l. Quy cách: 1 hộp (R1:6x72 ml, R2: 6x22 ml).	Hộp	104

23	Hóa chất định lượng nồng độ Albumin trong máu	Thuốc thử định lượng Albumin trong huyết thanh Thành phần: Bromocresol green: 0,21 mmol/l Succinate buffer: 100 mmol/l Sodium Azide: 0,5 g/l. Quy cách: 1 hộp (R1:10x44ml).	Hộp	9
24	Hóa chất định lượng nồng độ Amylase trong máu	Thuốc thử định lượng Alpha-Amylase trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu. Thành phần: MES buffer: 50 mmol/l Calcium Chloride: 3,81 mmol/l Sodium Chloride: 300 mmol/l Potassium Thiocyanate: 450 mmol/l Sodium Azide: 13,85 mmol/l CNPG: 0,91 mmol/l. Quy cách: 1 hộp (5x22ml).	Hộp	9
25	Hóa chất định lượng nồng độ Bilirubin toàn phần trong máu	Thuốc thử định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh. Thành Phần: R1 HCl: 55 mmol/L EDTA: 0,1 mmol/L Chất hoạt động bề mặt: 18 mmol/L R2 HCl: 176 mmol/L 2,4-dichloroaniline: 1,0 mmol/L EDTA: 0,1 mmol/L Sodium nitrite: 0,8 mmol/L Quy cách: 1 hộp (R1: 6x44ml; R2: 6x11ml)	Hộp	15
26	Hóa chất định lượng nồng độ Bilirubin trực tiếp trong máu	Thuốc thử định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương Thành Phần: R1 EDTA: 0,1 mmol/L Sodium chloride: 260 mmol/L R2 HCl: 176 mmol/L 2,4-dichloroaniline: 1,0 mmol/L EDTA: 0,1 mmol/L Sodium nitrite: 0,8 mmol/L Quy cách: 1 hộp (R1: 6x44ml; R2: 6x11ml)	Hộp	15

27	Hóa chất định lượng nồng độ Creatine Kinase MB trong máu	<p>Thuốc thử chẩn đoán cận lâm sàng đo hoạt độ của Creatine Kinase MB trong huyết thanh, huyết tương.</p> <p>Thành phần:</p> <p>R1: Imidazole buffer, pH 6,1: 125 mmol/l Glucose: 25 mmol/l Magnesium acetate: 12,5 mmol/l EDTA: 2 mmol/l N-acetyl-L-cysteine: 25 mmol/l NADP: 2,4 mmol/l Hexokinase > 6,8 U/ml Khả năng ngăn chặn kháng thể kháng CK: 2000 U/l CK-MM</p> <p>R2: Imidazole buffer, pH 8,9: 125 mmol/l ADP: 15,2 mmol/l D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase > 8,8 U/ml Creatine phosphate: 250 mmol/l AMP: 25 mmol/l Diadenosine pentaphosphate: 103 µmol/l</p> <p>Quy cách: 1 hộp (R1: 2 x 44ml + R2: 2 x 11ml).</p>	Hộp	15
28	Hóa chất định lượng nồng độ Creatine Kinase trong máu	<p>Thuốc thử định lượng Creatine Kinase trong huyết thanh</p> <p>Thành phần:</p> <p>R1: Imidazole buffer, pH 6,1: 125 mmol/l Glucose: 25 mmol/l Magnesium acetate: 12,5 mmol/l EDTA: 2 mmol/l N-acetylcysteine: 25 mmol/l NADP: 2,4 mmol/l Hexokinase > 6,8 U/ml</p> <p>R2: ADP: 15,2 mmol/l D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase > 8,8 U/ml Creatine phosphate: 250 mmol/l AMP: 25 mmol/l Diadenosine pentaphosphate: 103 µmol/l.</p> <p>Quy cách: 1 hộp (R1: 2 x 44ml + R2: 2 x 11ml).</p>	Hộp	15

29	Hóa chất định lượng nồng độ CRP trong máu	Thuốc thử định lượng CRP trong huyết thanh Thành phần: R1 (Buffer) Sodium chloride: 9 g/l Detergent: 0,1 % Sodium azide: 0,09% R2 (Latex) Glycine buffer pH 8,42 Rabbit anti-human CRP: sensitized latex 0,20 % Sodium azide: 0,09 % Quy cách 1 hộp: R1: 2 x 40 ml, R2: 2 x 11 ml	Hộp	12
30	Hóa chất định lượng nồng độ Ferritin trong máu	Thuốc thử định lượng Ferritin trong huyết thanh, huyết tương. Thành phần: R1: Bộ đệm Dung dịch đệm Tris (Ph 7,2) 120mM Thành phần không phản ứng và chất bảo quản R2: Cao su Các hạt cao su được phủ kháng thể thô chống lại Ferritin ở người. Thành phần không phản ứng và chất bảo quản Quy cách: 1 hộp (R1:2 x 14,5ml+ R2: 2x7,7 ml).	Hộp	6
31	Hóa chất định lượng nồng độ GGT trong máu	Thuốc thử định lượng GGT trong huyết thanh. Thành phần: R1:Tris buffer (pH 8,25): 125 mmol/l Glycyl Glycine: 125 mmol/l R2: L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 20 mmol/l. Đóng gói 1 hộp (R1:2x44ml+R2:2x11ml).	Hộp	32
32	Hóa chất định lượng nồng độ HbA1C trong máu	Thuốc thử định lượng HbA1C trong huyết thanh, huyết tương. Thành phần: R1: Latex 0,1 % R2: Anti-HbA1c Cross linked anti-human hemoglobin HbA1c mouse monoclonal antibody Buffer NaCl 2 % R3: Hemolyzing solution 2% Quy cách: (R1: 2 x 21 ml, R2: 2 x 8 ml, R3: 3 x 50 ml)	hộp	92

33	Hóa chất định lượng nồng độ LDL-Cholesterol trong máu	<p>Thuốc thử định lượng LDL-Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương. Thành phần: R1: MES buffer (pH 6,5): 50 mmol/l Polyvinylsulfonic acid: 50 mg/l Polyethyleneglycolmethylester: 30 ml/l 4-aminoantipyrine: 0,9 g/l Cholesterol esterase: 5 kU/l Cholesterol oxidase: 20 kU/l Peroxidase: 5 kU/l Detergent R2: MES buffer (pH 6,5): 50 mmol/l Detergent TODB N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline: 3 mmol/l. Quy cách: 1 hộp (R1: 2 x 30ml, R2:2 x 10ml).</p>	Hộp	502
34	Hóa chất định lượng nồng độ Protein nước tiểu	<p>Hóa chất định lượng nồng độ Protein nước tiểu Thành phần: R1: Succinate buffer: 15 mmol/l Pyrogallol red: 0,060 mmol/l Ammonium molybdate: 0,043 mmol/l R2: Chất chuẩn. Quy cách: 1 hộp (R1: 10 x 12ml+ R2: 1x5ml)</p>	Hộp	8
35	Hóa chất định lượng nồng độ Protein toàn phần trong máu	<p>Thuốc thử định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh, huyết tương. Thành phần: Copper II Sulphate:12 mmol/l Potassium Sodium Tartrate: 31,9 mmol/l Potassium Iodide: 30,1 mmol/l Sodium Hydroxide: 0,6 mol/l. Đóng gói 1 hộp (10 x 44ml)</p>	Hộp	10

36	Hóa chất định lượng nồng độ Urea sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Thuốc thử định lượng nồng độ Ure trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Thành phần: R1: Tris Buffer: 100 mmol/l α -Ketoglutarate: 5,49 mmol/l Urease (Jack Bean) \geq 10 KU/l GLDH (Microorganism) \geq 3,8 KU/l; R2 NADH: 1,66 mmol/l. Quy cách: 1 hộp (R1:6 x 72 ml, R2:6x 22ml).	Hộp	113
37	Hoá chất nội kiểm 10 thông số nước tiểu	Sử dụng nội kiểm 10 thông số nước tiểu. Thành phần: Dung dịch kết hợp 2 mức nội kiểm: mức bình thường và mức bệnh lý. Tương thích với các máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu: Laura, Laura Smart, Laura M Quy cách đóng gói 1 hộp (3x15 ml+3x15 ml)	Hộp	31
38	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Thuốc thử định lượng Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương. Thành phần: R1 Good's Buffer: 50 mmol/l Phenol: 5 mmol/l 4-aminoantipyrine: 0,3 mmol/l Cholesterol esterase \geq 200 U/l Cholesterol oxidase \geq 50 U/l Peroxidase \geq 3 kU/l. Quy cách: 1 hộp R1:8 x 72ml.	Hộp	60
39	Hóa chất xét nghiệm Creatinine sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Thuốc thử định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Thành phần: R1: Sodium Hydroxide: 240 mmol/l. R2: Picric Acid: 26mmol/l; Quy cách: 1 hộp (R1: 6 x 72 ml, R2: 6 x 22ml).	Hộp	107
40	Hóa chất xét nghiệm Glucose sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Thuốc thử định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Thành phần: Phosphate buffer: 250 mmol/l Glucose oxidase $>$ 25 U/ml Peroxidase $>$ 2 U/ml Phenol: 5 mmol/l	Hộp	98

		4-aminoantipyrine: 0,5 mmol/l Quy cách: 1 hộp (8 x 72ml).		
41	Hóa chất xét nghiệm nồng độ HDL-Cholesterol trong máu	Thuốc thử định lượng HDL-Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương. Thành phần: R1: MES buffer (pH 6,5): 6,5 mmol/l TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline: 3 mmol/l Polyvinyl sulfonic acid: 50 mg/l Polyethylene-glycol-methyl ester: 30 ml/l MgCl ₂ : 2 mmol/l R2: MES buffer (pH 6.5): 50 mmol/l Cholesterol esterase: 5 kU/l Cholesterol oxidase: 20 kU/l Peroxidase: 5 kU/l Aminoantipyrine: 0,9 g/l Detergent: 0,5 %. Quy cách: 1 hộp (R1:4 x 68 ml, R2:4 x 22ml).	Hộp	108
42	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides sử dụng cho máy sinh hoá tự động	Thuốc thử định lượng Triglycerides trong huyết thanh, huyết tương. Thành phần: Good's buffer (pH 7,2): 50 mmol/l 4-Chlorophenol: 4 mmol/l Mg ²⁺ : 15 mmol/l ATP: 2 mmol/l Glycerolkinase ≥ 0,4 KU/l Peroxidase ≥ 2,0 KU/l Lipoproteinlipase ≥ 2,0 KU/l Glycerol-3-phosphate-Oxidase ≥ 0,5 KU/l 4-Aminoantipyrine: 0,5 mmol/l. Quy cách: 1 hộp (8 x 72ml).	Hộp	60
43	Thanh thử nước tiểu đo 10 thông số	Đo được các chỉ số: Specific Gravity, Leucocytes, Nitrite, pH, Protein, Glucose, Ketones, Urobilinogen, Bilirubin, Blood. Tương thích với các máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu: Laura, Laura Smart, Laura M	Test	177.000
44	Hóa chất định lượng sắt toàn phần	Dùng để định lượng sắt trong huyết thanh hoặc huyết tương người * Thành phần. R1: Acetate buffer pH 4,5: 1 mol/L Thiourea: 120 mmol/L R2:	Hộp	2

		<p>Ascorbic acid: 240 mmol/L Ferene: 3 mmol/L Thiourea: 120 mmol/L Standard: Iron Standard: 167 µg/dL Quy cách: Hộp (6x70mL + 6x15mL)</p>		
45	<p>Chất kiểm tra giá trị bình thường máy huyết học 26 thông số</p>	<p>Mục đích: Dùng để theo dõi sự chính xác của máy xét nghiệm huyết học tự động. Thành phần: hồng cầu người và động vật có vú, các bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu trong dung môi bảo quản, có giá trị bình thường. Quy cách: 1 chai/lọ 3 ml</p>	Chai/lọ	48
46	<p>Chất kiểm tra giá trị thấp máy huyết học 26 thông số</p>	<p>Mục đích: Dùng để theo dõi sự chính xác của máy xét nghiệm huyết học tự động. Thành phần: hồng cầu người và động vật có vú, các bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu trong dung môi bảo quản, có giá trị thấp. Quy cách: 1 chai/lọ 3 ml</p>	Chai/lọ	48
47	<p>Dung dịch ly giải bạch cầu chạy máy huyết học Elite 5 hãng Erba</p>	<p>Dung dịch ly giải bạch cầu chạy máy huyết học Elite 5 hãng Erba. Thành phần: Sodium salts <3,4% Buffers <1,2% Preservative <0,5% Stabilizers in ion-free water <0,5% Quy cách: chai/lọ 1 lit</p>	Chai/lọ	55
48	<p>Dung dịch ly giải hồng cầu chạy máy huyết học Elite 5 hãng Erba</p>	<p>Dung dịch ly giải hồng cầu chạy máy huyết học Elite 5 hãng Erba. Thành phần: Surfactants <3,6% Buffers <1,0% Preservative <0,4% Stabilizers in ion-free water <0,4% Quy cách: Can/thùng 5 lit</p>	Can/thùng	91
49	<p>Dung dịch lyse 1 máy huyết học</p>	<p>Thuốc thử làm lạnh hồng cầu để đếm định lượng bạch cầu và đo huyết sắc tố trên máy phân tích huyết học Elite 580 của hãng Erba Lachema S.R.O/ Séc. Thuốc thử được thêm vào các tế bào hồng cầu lyse (RBC) và phản ứng với hemoglobin được giải phóng (HGB) để đo HGB, số lượng bạch cầu (WBC) và Basophils (BAS) Thành phần: Chất hoạt động bề mặt, chất đệm; chất kháng nấm và</p>	Chai/lọ	147

		<p>kháng khuẩn. Kết quả nền: $WBC \leq 0,2 \times 10^9/L$, $RBC \leq 0,2 \times 10^{12}/L$, $HGB \leq 1 \text{ g/L}$, $PLT \leq 10 \times 10^9/L$ Quy cách: Chai/Lọ 500 ml</p>		
50	Dung dịch lyse 2 máy huyết học	<p>Thuốc thử định lượng bạch cầu biệt hóa 5 phần trên máy phân tích huyết học Elite 580 của hãng Erba Lachema S.R.O/ Séc. Thuốc thử được sử dụng với dung dịch lyse 3 để hòa tan RBC nhằm thay đổi hình thái của WBC, để kiểm tra kết quả phân loại WBC. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt, chất đệm; chất kháng nấm và kháng khuẩn. Kết quả nền: $WBC \leq 0,2 \times 10^9/L$, $RBC \leq 0,2 \times 10^{12}/L$, $HGB \leq 1 \text{ g/L}$, $PLT \leq 10 \times 10^9/L$ Quy cách: Chai/Lọ 500 ml</p>	Chai/lọ	145
51	Dung dịch lyse 3 máy huyết học	<p>Thuốc thử định lượng bạch cầu biệt hóa 5 phần trên máy phân tích huyết học Elite 580 của hãng Erba Lachema S.R.O/ Séc. Thuốc thử được sử dụng với dung dịch lyse 2 để hòa tan RBC nhằm thay đổi hình thái của WBC, để kiểm tra kết quả phân loại WBC. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt, chất đệm; chất kháng nấm và kháng khuẩn. Kết quả nền: $WBC \leq 0,2 \times 10^9/L$, $RBC \leq 0,2 \times 10^{12}/L$, $HGB \leq 1 \text{ g/L}$, $PLT \leq 10 \times 10^9/L$ Quy cách: Chai/Lọ 1000 ml</p>	Chai/lọ	196
52	Dung dịch pha loãng chạy máy huyết học	<p>Dung dịch pha loãng chạy máy huyết học Elite 5 hãng Erba. Thành phần: Sodium chloride <1,0% Buffers <1,1% Preservative <0,4% Stabilizers in ion-free water <0,4% Đóng gói: Can/thùng 20 lit</p>	Can/thùng	223
53	Dung dịch pha loãng máy huyết học	<p>Thuốc thử pha loãng máu người để đếm và định cỡ tế bào máu trên máy phân tích huyết học Elite 580 của hãng Erba Lachema S.R.O/ Séc Thành phần: Natri clorua; Natri sunfat khan; Chất đệm; Chất kháng nấm và kháng thể-terial. Quy cách: Can/ Thùng 20 lit</p>	Can/Thùng	271

54	Dung dịch rửa kim máy huyết học Elite 5	Dung dịch hypochlorite làm sạch oxi hóa mạnh, rửa dây bơm hút và buồng đếm, đánh tan kết tủa đông máu, lipoprotein trong máy phân tích huyết học Elite 5 hãng Erba Lachema S.R.O. Thành phần: Detergents <1,0%; Sodium hypochlorite <12,0%; Sodium hydroxide <3,5%; Stabilizers in ion-free water <0,5%. Quy cách: Chai/Lọ 100 ml	Chai/lọ	62
55	Dung dịch rửa kim máy huyết học Elite 580	Dung dịch làm sạch và ổn định các bộ phận quang học và dòng chảy, cung cấp môi trường sạch và tránh nhiễm bẩn mẫu, dùng trên máy huyết học Elite 580 của hãng Erba Lachema S.R.O Thành phần: Sodium Hypochlorite; Sodium Hydroxide; chất hoạt động bề mặt Quy cách: Chai/lọ 50ml	Chai/lọ	62
56	Mẫu nội kiểm máy huyết học mức bình thường	Dùng để theo dõi độ chính xác của máy phân tích huyết học Elite 580 của hãng Erba Lachema S.R.O/ Séc Thành phần: hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng lơ lửng trong chất lỏng giống huyết tương có chất bảo quản, có giá trị bình thường. Quy cách: Chai/Lọ 3 ml	Chai/lọ	31
57	Mẫu nội kiểm máy huyết học mức thấp	Dùng để theo dõi độ chính xác của máy phân tích huyết học Elite 580 của hãng Erba Lachema S.R.O/ Séc Thành phần: hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng lơ lửng trong chất lỏng giống huyết tương có chất bảo quản, có giá trị thấp. Quy cách: Chai/Lọ 3 ml	Chai/lọ	31
58	Chất thử chẩn đoán PT trong máu bệnh nhân	Xác định thời gian prothrombin (PT) Thành phần: Thromboplastin mô từ não thỏ, chứa ion canxi và sodium azide (< 0,01%). Quy cách: hộp (10 x 5 ml)	Hộp	38
59	Dung dịch rửa máy xét nghiệm đông máu	Dùng để làm sạch kim hút mẫu của máy phân tích đông máu tự động. Thành phần: Natri Hypochlorit 1 % Quy cách: 1 hộp (6 x50 ml)	Hộp	21

60	Hóa chất xét nghiệm định lượng Fibrinogen trong máu	Hóa chất xét nghiệm định lượng Fibrinogen trong máu Thành phần: Thuốc thử Thrombin; khoảng 100 đơn vị NIH units/ml thrombin bổ với chất ổn định. Quy cách: 1 hộp (5x2 ml)	Hộp	35
61	Hóa chất xét nghiệm đông máu APTT	Hóa chất xét nghiệm đông máu APTT Thành phần: Chứa 0,1 mM axit ellagic với huyền phù của phospholipid chiết xuất từ não thỏ mất nước, chất đệm, chất ổn định và chất bảo quản, bao gồm 0,2% phenol. Quy cách: 1 hộp (6x5 ml).	Hộp	36
62	Chất kiểm tra giá trị bất thường các chỉ số đông máu (PT, APTT, Fibrinogen)	Sử dụng nội kiểm mức bất thường các test: PT, APTT, Fibrinogen. Thành phần: Huyết tương đông khô, được điều chế từ huyết tương của người đã hấp thụ. Quy cách: hộp (10 x 1 ml)	Hộp	7
63	Chất kiểm tra giá trị bình thường các chỉ số đông máu (PT, APTT, Fibrinogen)	Sử dụng nội kiểm mức trung bình các test: PT, APTT, Fibrinogen. Thành phần: Huyết tương đông khô, được điều chế từ huyết tương của người bình thường gộp lại. Quy cách: hộp (10 x 1 ml)	Hộp	7
64	Hóa chất pha loãng cho xét nghiệm đông máu APTT	Hóa chất pha loãng cho xét nghiệm đông máu APTT Thành phần: 0,025 M dung dịch canxi clorua Đóng gói: 1 hộp (10x10 ml)	Hộp	11
65	Hóa chất pha loãng cho xét nghiệm đông máu Fibrinogen	Hóa chất pha loãng cho xét nghiệm đông máu Fibrinogen Thành phần: Dung dịch chứa khoảng 28,4 mM barbitol, khoảng 125,4 mM natri chloride và 0,05 % sodium azide làm chất bảo quản; pH 7,2–7,6. Đóng gói: 1 hộp (6 x 25 ml)	Hộp	11
66	Dung dịch ngưng kết phản ứng cơ chất sử dụng trên máy phân tích miễn dịch	Dung dịch ngưng kết phản ứng cơ chất sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp 2x 100 ml	Hộp	40
67	Dung dịch pha loãng, sử dụng trên máy miễn dịch	Dung dịch pha loãng sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp 4 x 100 ml	Hộp	30

68	Dung dịch rửa, sử dụng trên máy phân tích miễn dịch	Dung dịch rửa sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp 4 x 100 ml	Hộp	40
69	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm BNP	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm BNP sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp 12x 1ml	Hộp	5
70	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm cTnI	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm cTnI sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp 12x 1ml	Hộp	5
71	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT4	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm FT4 sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp 12x 1ml	Hộp	5
72	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm IFT3	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm IFT3 sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp 12x 1ml	Hộp	5
73	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm TSH	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm TSH sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp 12x 1ml	Hộp	5
74	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm β HCGII	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm β HCGII sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp 12x 1ml	Hộp	5
75	Hoá chất kiểm chuẩn (QC) mức thấp	Hoá chất kiểm chuẩn (QC) mức thấp sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Lọ 1 x 5ml	Lọ	10
76	Hoá chất kiểm chuẩn (QC) mức trung bình	Hoá chất kiểm chuẩn (QC) mức trung bình sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Lọ 1 x 5ml	Lọ	10
77	Hoá chất kiểm chuẩn cho thông số BNP	Hoá chất kiểm chuẩn cho thông số BNP sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: hộp 4x 1ml	Hộp	10

78	Hóa chất xét nghiệm định lượng BNP sử dụng trên máy phân tích miễn dịch	Hóa chất xét nghiệm định lượng BNP sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp gồm 5 vỉ x 20 cốc thử	Hộp	26
79	Hóa chất xét nghiệm định lượng cTnI 3RD-GEN sử dụng trên máy phân tích miễn dịch	Hóa chất xét nghiệm định lượng cTnI 3RD-GEN sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp gồm 5 khay x 20 cốc thử	Hộp	36
80	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4 sử dụng trên máy phân tích miễn dịch	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4 sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp gồm 5 vỉ x 20 cốc thử	Hộp	138
81	Hóa chất xét nghiệm định lượng IFT3 sử dụng trên máy phân tích miễn dịch	Hóa chất xét nghiệm định lượng IFT3 sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp gồm 5 vỉ x 20 cốc thử	Hộp	138
82	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH sử dụng trên máy phân tích miễn dịch	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp gồm 5 vỉ x 20 cốc thử	Hộp	138
83	Hóa chất xét nghiệm định lượng β HCGII sử dụng trên máy phân tích miễn dịch	Hóa chất xét nghiệm định lượng β HCGII sử dụng trên máy phân tích miễn dịch AIA 360 của hãng TOSOH/ Nhật Bản. Quy cách: Hộp gồm 5 khay x 20 cốc thử	Hộp	39
84	HBV định lượng Realtime PCR	Khả năng phát hiện: Đặc hiệu: HBV genotype A-H, kể cả HBV đột biến tiền lõi (HBeAg âm tính); Ngưỡng phát hiện: từ 13,9 IU/ml, với xác suất 95% Bộ Kit bao gồm 4 chất hiệu chuẩn có nồng độ từ 10^1 IU/ μ l – 10^4 IU/ μ l Mẫu bệnh phẩm: Mẫu huyết tương, huyết thanh	Test	4.000
85	Kít tách chiết HBV virus	Sử dụng cho tách chiết DNA và RNA từ mẫu huyết thanh, huyết tương, huyền dịch (huyền phù), mẫu quét bề mặt, mẫu dịch phết (y tế) và tế bào vi khuẩn gram âm. Quy cách: Hộp gồm NL Buffer,	Test	3.100

		WB1 Buffer, WB2 Buffer, EB Buffer, Ethanol, Proteinase K, Cột silica, Tube 1,5 mL, RNA carrier, nước xử lý DEPC.		
II	Linh phụ kiện dùng cho máy xét nghiệm (45 mặt hàng)			
86	Bộ dây dẫn và nhận diện chip cho Modul điện giải trên sinh hóa	Bộ dây dẫn và nhận diện chip cho Modul điện giải trên sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	1
87	Bơm áp lực cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bơm áp lực sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio	Cái	1
88	Bơm chân không cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bơm chân không sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio	Cái	1
89	Bơm nhu động sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học	Bơm nhu động dùng bơm hóa chất sử dụng cho máy huyết học Elite 5 của hãng Erba Lachema S.R.O	Cái	1
90	Bóng đèn Halogen sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn Halogen cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động Biolis 50i của hãng Tokyo Boeki Medisys Inc.	Cái	8
91	Bóng đèn Halogen sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn Halogen sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	8
92	Buồng đếm hồng cầu, bạch cầu sử dụng cho máy huyết học Elite 5	Buồng đếm hồng cầu, bạch cầu sử dụng cho máy huyết học Elite 5 của hãng Erba Lachema S.R.O	Cái	2
93	Cuvette phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Cuvette phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động Biolis 50i của hãng Tokyo Boeki Medisys Inc. Quy cách: 90 giếng/bộ/hộp	Hộp	4
94	Cuvette phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá	Cuvette phản ứng sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	2
95	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động CoaLAB 1000 của hãng LaBitec GmbH - Đức	Cái	34.560
96	Dây bơm cho modul điện giải sử dụng máy xét nghiệm sinh hóa	Dây bơm sử dụng cho Modul điện giải của máy xét nghiệm sinh hoá XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	2
97	Điện cực Cl sử dụng trên máy sinh hóa XL 1000	Điện cực Cl sử dụng trên máy sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	4

98	Điện cực K sử dụng trên máy sinh hóa XL 1000	Điện cực K sử dụng trên máy sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	4
99	Điện cực Na sử dụng trên máy sinh hóa XL 1000	Điện cực Na sử dụng trên máy sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	4
100	Điện cực tham chiếu sử dụng trên máy sinh hóa XL 1000	Điện cực tham chiếu sử dụng trên máy sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	4
101	Khe đếm bạch cầu máy huyết học Elite 5	Khe đếm bạch cầu máy huyết học Elite 5 của hãng Erba Lachema S.R.O	Cái	2
102	Khe đếm hồng cầu máy huyết học Elite 5	Khe đếm hồng cầu máy huyết học Elite 5 của hãng Erba Lachema S.R.O	Cái	2
103	Kim hút mẫu máy huyết học Elite 5	Kim hút mẫu máy huyết học Elite 5 của hãng Erba Lachema S.R.O	Cái	2
104	Motor khuấy mẫu phản ứng cho máy sinh hóa	Motor khuấy mẫu phản ứng cho máy sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	2
105	Quả lọc can nước rửa cho máy sinh hóa	Quả lọc can nước rửa cho máy sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	2
106	Quả lọc nước RO cho máy sinh hóa	Quả lọc nước RO cho máy sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals và Biolis 50i của hãng Tokyo Boeki Medisys Inc	Cái	2
107	Motor bước cho khay thuốc thử máy sinh hóa XL 1000	Motor bước điều khiển khay hóa chất máy sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	1
108	Motor modul khuấy cho máy sinh hóa XL 1000	Motor modul khuấy mẫu phản ứng cho máy sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	2
109	Kim hút mẫu máy huyết học Elite 580	Kim hút mẫu máy huyết học Elite 580 của hãng Erba Lachema S.R.O	Cái	2
110	Kim hút thuốc thử cho máy Biolis	Kim hút thuốc thử cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động Biolis 50i của hãng Tokyo Boeki Medisys Inc.	Cái	2
111	Bơm chât thải cho máy sinh hóa XL 1000	Bơm chât thải cho máy sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	1
112	Valve 2 chân cho máy huyết học Elite 580	Valve 2 chân cho máy huyết học Elite 580 của hãng Erba Lachema S.R.O	Cái	2
113	Valve 3 chân cho máy huyết học Elite 580	Valve 3 chân cho máy huyết học Elite 580 của hãng Erba Lachema S.R.O	Cái	2
114	Bơm thải máy huyết học Elite 580	Bơm thải máy huyết học Elite 580 hãng Erba Lachema S.R.O	Cái	1

115	Kim hút bệnh phẩm cho máy sinh hóa XL 1000	Kim hút bệnh phẩm cho máy sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	1
116	Bơm cấp đầy nước rửa cho máy sinh hóa XL 1000	Bơm cấp đầy nước rửa cho máy sinh hóa XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	2
117	Fill lọc buồng đếm cho máy huyết học Elite 580	Fill lọc buồng đếm cho máy huyết học Elite 580 của hãng Erba Lachema S.R.O	Cái	2
118	Fill lọc khí cho máy huyết học Elite 580	Fill lọc khí cho máy huyết học Elite 580 của hãng Erba Lachema S.R.O	Cái	2
119	Dây curoa cho module Rack máy sinh hoá XL 1000	Dây curoa cho module Rack máy sinh hoá XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	1
120	Hộp giá đỡ bóng đèn cho máy sinh hóa XL 1000	Hộp giá đỡ bóng đèn cho máy sinh hoá XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	1
121	Bộ phận cảm biến bọt khí cho module điện giải máy sinh hoá XL 1000	Bộ phận cảm biến bọt khí cho module điện giải máy sinh hoá XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	1
122	Bo cảm biến bệnh phẩm cho máy sinh hóa XL 1000	Bo cảm biến bệnh phẩm máy sinh hoá XL 1000 của hãng Transasia Bio - Medicals	Cái	1
123	Dây bơm sử dụng trên máy phân tích điện giải	Dây bơm sử dụng cho máy phân tích điện giải Erba Lyte, của hãng Erba Lachema S.R.O/Séc	Cái	4
124	Điện cực Ca Electrode sử dụng trên máy phân tích điện giải	Điện cực Ca sử dụng cho máy phân tích điện giải Erba Lyte, của hãng Erba Lachema S.R.O/Séc	Cái	2
125	Điện cực Cl Electrode sử dụng trên máy phân tích điện giải	Điện cực Cl sử dụng cho máy phân tích điện giải Erba Lyte, của hãng Erba Lachema S.R.O/Séc	Cái	2
126	Điện cực K sử dụng trên máy phân tích điện giải	Điện cực K sử dụng cho máy phân tích điện giải Erba Lyte, của hãng Erba Lachema S.R.O/Séc	Cái	2
127	Điện cực Na sử dụng trên máy phân tích điện giải	Điện cực Na sử dụng cho máy phân tích điện giải Erba Lyte, của hãng Erba Lachema S.R.O/Séc	Cái	2
128	Điện cực tham chiếu sử dụng trên máy phân tích điện giải	Điện cực tham chiếu, sử dụng cho máy phân tích điện giải Erba Lyte, của hãng Erba Lachema S.R.O/Séc	Cái	1
129	Điện cực PH sử dụng trên máy phân tích điện giải	Điện cực PH sử dụng cho máy phân tích điện giải Erba Lyte, của hãng Erba Lachema S.R.O/Séc	Cái	1
130	Máy in nhiệt cho máy điện giải Erba Lyte	Máy in nhiệt sử dụng cho máy phân tích điện giải Erba Lyte, của hãng Erba Lachema S.R.O/Séc	Cái	1

III	Vật tư, sinh phẩm xét nghiệm (36 mặt hàng)			
131	Bộ nhuộm gram	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Decolor và Safranine. Quy cách: Bộ 4 chai, mỗi chai 100ml.	Bộ	13
132	Bộ nhuộm Ziehl-Neelsen	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bộ bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylene Blue.	Bộ	1
133	Đầu cân vàng	Đầu cân vàng, thể tích tối đa 200µl Làm từ nhựa PP. Kích thước 6*50 mm (±5%), được tiệt trùng	Chiếc	18.000
134	Đầu cân xanh	Đầu cân xanh, thể tích tối đa 1000µl Làm từ nhựa PP. Kích thước 8*69 mm (±5%) được tiệt trùng	Chiếc	9.000
135	Dầu soi kính hiển vi	Dung dịch dầu, dùng cho kính hiển vi. Chai 500ml	Chai	3
136	Định tính HCG trong nước tiểu	- Test thử: Kháng thể đơn dòng kháng hCG-α, Kháng thể đơn dòng kháng hCG-β, Kháng thể đề kháng IgG chuột, H ₂ AuCl ₄ , Na ₂ HPO ₄ , NaH ₂ PO ₄ , Sucrose, NaCl, Triton-X, PVA-10, PVP-10, Na ₂ CO ₃ . - Cốc làm từ nhựa. - Dùng để phát hiện thai sớm sau giao hợp từ 7 đến 10 ngày	Test	6.500
137	Định tính phát hiện HbsAg	Định tính kháng nguyên bề mặt Viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh hay huyết tương của người Độ nhạy tương đối: ≥ 99,8%; Độ đặc hiệu tương đối ≥ 99,6%; Độ chính xác ≥ 99,7%	Test	12.000
138	Định tính phát hiện kháng thể kháng HCV	Định tính các kháng thể đối với virus viêm gan C (HCV) trong huyết thanh hoặc huyết tương. - Thành phần của khay thử: + Cộng hợp vàng – Kháng nguyên HCV tái tổ hợp + Kháng nguyên HCV phủ trên màng dẫn Kháng nguyên tái tổ hợp được sử dụng cho Bảng thử nghiệm nhanh HCV được mã hóa bởi các gen cho	Test	3.000

		cả protein cấu trúc (nucleocapsid) và protein không cấu trúc. Độ nhạy tương đối: $\geq 99,1\%$; Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 99,5\%$; Độ chính xác: $\geq 99,4\%$;		
139	Dung dịch KOH	Chai có chứa 100 ml thuốc thử dùng kết hợp cùng với môi trường (MR-VP) hoặc đĩa giấy sinh hóa (VP) và thuốc thử a-Naphthol để thử nghiệm Voges – Proskauer (VP). Quy cách: 100ml/ chai	Chai	7
140	Thẻ định nhóm máu	Thẻ đôi dùng để xét nghiệm nhóm máu A, B, O tại giường bệnh để xác nhận sự tương thích nhóm máu của người nhận và người cho máu. Thời gian xét nghiệm trong vòng khoảng 2 phút Kháng thể khô an toàn với người sử dụng Tự động kiểm soát sự ngưng kết máu của người kiểm tra Độ nhạy: $\geq 99\%$ Độ đặc hiệu: $\geq 99,9\%$	Thẻ đôi	700
141	Huyết thanh mẫu Anti - A	Xác định nhóm máu hệ ABO. Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A 500100 (1,0ml). Quy cách: hộp 1 lọ 10ml	Lọ	92
142	Huyết thanh mẫu Anti - AB	Xác định nhóm máu hệ ABO. Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A A-5E10. Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-B B-2D7 (1,0ml). Quy cách : Hộp 1 lọ 10ml.	Lọ	92
143	Huyết thanh mẫu Anti - B	Xác định nhóm máu hệ ABO. Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai B501100 (1,0ml). Quy cách: hộp 1 lọ 10ml	Lọ	92
144	Huyết thanh mẫu Anti - D	Dùng để phát hiện typ Rho (D). Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 (1,0ml). Quy cách: hộp 1 lọ 10ml	Lọ	90
145	Lam kính	Chất liệu kính Soda vôi, kích thước khoảng 25,4*76,2mm ($\pm 5\%$), độ dày khoảng 1,0-1,2mm, trong suốt, bề mặt phẳng, không mốc, không xước. Quy cách: 72 cái/hộp	Hộp	96

146	Lamen	Mô tả: Chất liệu bằng thủy tinh kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ khoảng 22x22mm ($\pm 5\%$). Quy cách: 1000 cái/hộp	Hộp	2
147	Môi trường canh thang dinh dưỡng cao	Môi trường canh thang dinh dưỡng cao dùng để nuôi cấy các loại vi sinh vật kể cả vi sinh vật khó tính.	Ống	160
148	Môi trường sabouraud	Môi trường dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm Kích thước đĩa ≥ 90 mm. Thành phần: Mycological peptone, Glucose (dextrose), Agar. pH: $5,6 \pm 0,2$ ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	Hộp	24
149	Môi trường thạch máu	Môi trường nuôi cấy các loại vi sinh vật. Kích thước đĩa ≥ 90 mm. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar, pH: $7,3 \pm 0,2$ ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp.	Hộp	24
150	Ống Eppendorf	Ống ly tâm Eppendorf chất liệu nhựa PP. Thể tích ≥ 2 ml. Kích thước khoảng 10,2-10,3*40mm	Ống	10.500
151	Ống Natricitrat	Ống nghiệm với thân ống làm từ nhựa PP, nắp nhựa, bên trong chứa chất kháng đông là Trisodium Citrate Dihydrate 3,8% kháng đông cho 2ml máu. Kích thước khoảng: 13 x 75mm ($\pm 5\%$)	Ống	16.800
152	Ống nghiệm có chất chống đông EDTA có nút cao su	Ống nghiệm với thân ống làm từ nhựa PP, nắp cao su, bên trong chứa chất kháng đông là K2-EDTA, kháng đông cho 2ml máu Kích thước khoảng: 13 x 75mm ($\pm 5\%$)	Ống	220.800
153	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm với thân ống làm từ nhựa PP, nắp nhựa, bên trong chứa Lithium Heparin, kháng đông cho 2ml máu Kích thước khoảng: 13 x 75mm ($\pm 5\%$)	Ống	307.200
154	Ống nghiệm nhựa không có chất chống đông	Ống nghiệm nhựa PS/PP, thể tích ≥ 5 ml, kích thước khoảng 12x75mm ($\pm 5\%$), có nắp	Ống	1.500
155	Ống nghiệm nhựa không có nắp	Ống nghiệm nhựa PS, thể tích ≥ 10 ml, kích thước khoảng 16x100mm ($\pm 5\%$), không nắp	Ống	184.400

156	Que thử định tính HBeAg	Sử dụng để phát hiện sự có mặt của HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Độ nhạy: $\geq 96,2\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 99,4\%$	Test	2.600
157	Sample cup	Cốc mẫu chất liệu nhựa PS. Kích thước khoảng 10-16*38mm. Thể tích khoảng 2,5-3ml.	Cái	16.000
158	Tăm bông vô trùng lấy bệnh phẩm cán cứng	Chất liệu nhựa PP, PE, viscose, cotton, gỗ. Kích thước khoảng 12*175 mm ($\pm 5\%$). Không có DNase/RNase, không chứa chất ức chế với phản ứng PCR, được tiệt trùng.	Chiếc	6.000
159	Test chlamydia trachomatis	Xét nghiệm phát hiện kháng nguyên chlamydia trachomatis Mẫu phẩm: dịch cổ tử cung nữ giới/ niệu đạo/ nước tiểu nam giới Độ nhạy: $\geq 93,58\%$ Độ đặc hiệu: $\geq 99,08\%$	Test	6.000
160	Test cúm A,B	Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B Mẫu thử: Dịch mũi, họng, tỵ hầu Độ nhạy: $\geq 99,34\%$ Độ đặc hiệu: 100%	Test	7.300
161	Test nhanh giang mai	Phát hiện kháng thể đặc hiệu với vi khuẩn giang mai Loại mẫu: huyết thanh/ huyết tương/ máu toàn phần Độ nhạy tương quan $\geq 99\%$, độ đặc hiệu $\geq 99\%$	Test	400
162	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng virus HIV	Định tính để xác định kháng thể virus gây suy giảm hệ miễn dịch (HIV) loại 1, loại 2 và phân nhóm O, kháng nguyên đối với virus HIV P24 trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người để giúp chẩn đoán nhiễm HIV Độ nhạy tương đối: $\geq 99,9\%$ Độ đặc hiệu tương đối $\geq 99,5\%$ Độ chính xác $\geq 99,6\%$	Test	10.500
163	Test nhanh sốt xuất huyết	Phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 Loại mẫu: Huyết thanh/Huyết tương/Máu toàn phần Độ nhạy: $\geq 99,6\%$ Độ đặc hiệu: $\geq 99,6\%$	Test	4.800
164	Test nhanh tay chân miệng	Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người Độ nhạy: $\geq 96,8\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 99,4\%$	Test	1.000

165	Test tiêu chảy Rotaviruts	Định tính phát hiện kháng nguyên virus Rota trong mẫu phân của người. Độ nhạy: $\geq 99\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 97,2\%$	Test	700
166	Test HP	Môi trường chuyên biệt dạng gel dùng để phát hiện nhanh vi khuẩn H. pylori và được chứa trong giếng của một bảng nhựa. Bảng nhựa được làm bằng PS, có kích thước bề mặt $50 \times 20 \text{mm}$ ($\pm 5\%$), Chiều cao 15mm ($\pm 5\%$), giữa bảng nhựa có giếng với đường kính 6mm ($\pm 5\%$) và chiều cao của giếng 10mm ($\pm 5\%$).	Test	4.000
IV	Vật tư, hoá chất phục vụ chạy thận nhân tạo (16 mặt hàng)			
167	Acid Citric	- Công thức hóa học: $\text{C}_6\text{H}_8\text{O}_7$ - Trạng thái vật lý: dạng rắn - Màu sắc: màu trắng - Mùi đặc trưng: không mùi	Kg	825
168	Acid Peracetic	Thành phần gồm: - Peracetic acid: $\geq 4\%$ - Hydrogen peroxide: $\geq 20\%$ - Acetic acid: $\leq 10\%$	Lít	220
169	Catheter 2 nòng dùng chạy thận nhân tạo	- Catheter 2 nòng thận nhân tạo - Kích thước: 12Fr x 20cm - Bộ dụng cụ tiêu chuẩn bao gồm: Catheter lọc thận, nong, kim luân, xilanh, guidewire, keo dính vết thương, nắp kim tiêm, dao mổ, kim với chỉ khâu	Bộ	60
170	Dây dẫn dịch bù máy HDF online	Dùng cho máy Dialog+ HDF Online của hãng B.Braun Được sử dụng để chuyển dịch thẩm tách từ máy đến bệnh nhân, được khử trùng.	Chiếc	1.100
171	Dây dẫn máu dùng cho máy chạy thận nhân tạo chu kỳ	- Bộ dây bao gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch, 1 transducer - Dây máu làm từ nhựa y tế PVC - Dây máu không chứa DEHP - Tiết trùng - Thể tích môi: $(163 \pm 10\%) \text{ml}$	Bộ	4.200
172	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc A	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri clorid: 210,68 g - Kali clorid: 5,22 g	Lít	84.000

		<ul style="list-style-type: none"> - Calci clorid.2H₂O: 9,00 g - Magnesi clorid.6H₂O: 3,56 g - Acid acetic băng: 6,31g - Glucose.H₂O: 38,50 g - Nước vừa đủ: 1.000 ml <p>Xuất xứ: Việt Nam</p>		
173	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc B	<p>Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Natri bicarbonat: 84,0 g - Nước vừa đủ: 1.000 ml <p>Xuất xứ: Việt Nam</p>	Lít	94.000
174	Kim chạy thận nhân tạo cỡ 16G, 17G	<p>Kích thước 16G, 17G</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài kim 25mm ± 2mm, ID:3,2-OD:5,0, ống dài ≥ 300mm. - Kim được phủ silicone, làm bằng thép không gỉ - Đoạn ống được làm bằng nhựa PVC - Không chứa latex và DEHP 	Chiếc	47.000
175	Muối chạy thận	<p>Muối dạng viên, không mùi, màu trắng. Muối tinh khiết. Hàm lượng > 99%</p>	Kg	4.800
176	Quả lọc thận cho máy HDF online	<p>* Quả tương thích với máy Dialog+ HDF Online của hãng B.Braun * Tiêu chuẩn kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu màng: Polysulfone - Tiệt trùng: Tia Gamma - Tác dụng: Lọc vi khuẩn và nội độc tố (các chất gây sốt) giúp làm sạch dịch thẩm tách và dịch bù dùng trong chạy thận nhân tạo. + Khả năng loại bỏ vi khuẩn và nội độc tố $\geq 10^6$ IU/ml + Tuổi thọ màng lọc: ≥ 150 lần chạy thận (khoảng 900 giờ) * Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 và CE 	Quả	18
177	Quả lọc thận nhân tạo chu kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ số siêu lọc: ≥ 13 mL/h x mmHg - Độ thanh thải (lưu lượng máu 300mL/min): + Urea: ≥ 243 + Creatinine: ≥ 215 + Phosphate: ≥ 175 + Vitamin B12: ≥ 100 - Diện tích màng: $\geq 1,3$ m² - Độ dày thành/đường kính sợi: (40/200) μm - Thể tích môi: ≤ 78 mL - Chất liệu màng: Polysulfone - Chất liệu vỏ: Polycarbonate - Chất liệu đầu quả lọc: 	Quả	3.912

		Polyurethane - Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước		
178	Quả siêu lọc dùng cho máy HDF online	- Hệ số siêu lọc: ≥ 55 mL/h x mmHg - Độ thanh thải (Lưu lượng máu 300ml/ph): + Urea: ≥ 248 + Creatinine: ≥ 225 + Phosphate: ≥ 220 + Vitamin B12: ≥ 155 + Inulin: ≥ 120 - Diện tích bề mặt: $\geq 1,8\text{m}^2$ - Độ dày thành/đường kính sợi: $\geq (40/200)$ μm - Thể tích môi: ≤ 110 ml - Chất liệu màng: Polysulfone - Chất liệu vỏ: Polycarbonate - Chất liệu đầu quả lọc: Polyurethane - Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước	Quả	1.056
179	Test kiểm tra độ cứng	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước ở giai đoạn sau làm mềm của quá trình xử lý nước trong chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống nước RO của bệnh viện. Dải đo: 0 đến ≥ 120 ppm.	Test	800
180	Test kiểm tra hàm lượng clo tổng dải thấp	Để đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp được sử dụng để chuẩn bị dịch thẩm tách Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0; 0,1; 0,5 và 3ppm	Test	800
181	Test kiểm tra Peracetic Acid	Dùng để thử nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quả lọc thận nhân tạo	Test	800
182	Gạc thận nhân tạo	Thành phần: 100% cotton, tốc độ hút nước ≤ 5 giây, độ ngậm nước $\geq 5\text{g}$ nước/1g gạc, độ ẩm $\leq 8\%$, Kích thước: $\geq (3,5\text{cm} \times 4,5\text{cm}) \times 80$ lớp Vô trùng.	Cái	46.800
V	Vật tư, y dụng cụ nha khoa (27 mặt hàng)			
183	Bôi trơn ống tủy	Dung dịch chứa EDTA $\geq 17\%$ và Carbamide Peroxide $\geq 10\%$, dùng để rửa ống tủy Tuýp 2g	Tuýp	24

184	Bond (keo hàn răng)	Sử dụng trong nha khoa Tương thích với tất cả vật liệu composite quang trùng hợp thông thường Lọ 5ml	Lọ	20
185	Canxi hidroxit	Bột Canxi hydroxide sát trùng dùng trong điều trị ống tủy. Lọ 10g	Lọ	24
186	Chất hàn tạm trong nha khoa	Vật liệu trám tạm thời cho các lỗ sâu thông thường và sau điều trị nội nha. Hộp 30 g	Hộp	30
187	Chổi cước đánh bóng	Công dụng đánh bóng, làm sạch bề mặt răng.	Chiếc	300
188	Cốc đánh bóng	Giúp tăng độ bền liên kết, không chứa dầu hương vị, sử dụng trong nha khoa	Chiếc	1.000
189	Côn giấy có vạch các số	Giúp trám bít ống tủy, có cản quang, gồm nhiều kích cỡ và độ trơn khác nhau và có vạch đánh dấu chiều dài. Vô trùng, Khả năng thấm hút cao Hộp 100 cây	Hộp	30
190	CPC sát trùng ống tủy	Thành phần sát trùng nhanh dùng trong điều trị nhiễm trùng tủy và đỉnh tủy. Lọ 15ml	Lọ	10
191	Đài cao su đánh bóng	Đánh bóng composite sau khi hàn răng. Làm sạch và đánh bóng bề mặt composite và bề mặt răng sứ	Chiếc	600
192	Đầu lấy cao răng	Sử dụng trong nha khoa. Chất liệu thép không gỉ, được sử dụng trong nha khoa để lấy cao răng.	Cái	70
193	Eugenol	Dung dịch dầu eugenol tinh khiết dùng để làm dịu cơn đau răng nhẹ, quy cách: lọ 30ml	Lọ	10
194	Fuji ix	Vật liệu trám Glass Ionomer - Tăng cường khả năng phóng thích Fluoride. - Độ trong mờ giúp cải thiện thẩm mỹ. - Tăng cường tái khoáng hóa từ bên trong. - Đông cứng nhanh nhưng đủ thời gian làm việc của vật liệu. Quy cách: Hộp gồm 1 chai bột 15g và 1 chai nước 8g (6,4ml).	Hộp	25
195	Gạc cầm máu ổ huyết răng	Mục đích: cầm máu an toàn và nhanh chóng, giảm đáng kể tình trạng mất máu, được sản xuất từ vật liệu gelatin tinh chế cao, kích thước: $\geq (10 \times 10 \times 10)$ mm - Hấp thu hoàn toàn trong vòng 3-4	Miếng	50

		tuần - Được khử trùng		
196	Giấy cắn	Sử dụng trong nha khoa dùng để đánh dấu tình trạng khớp cắn của răng, đảm bảo đánh dấu chính xác điểm tiếp xúc, không gây nhiễm bẩn	Tập	30
197	Giũa các số	Sử dụng trong nha khoa. Dùng để mở rộng khe tuỷ, lưỡi cắt làm bằng thép không gỉ, chuôi làm bằng PBT	Cây	60
198	Kim tê	Kim dùng để gây tê trong nha khoa. Cỡ kim: từ 25-30G, kim làm bằng thép không gỉ; vỏ kim, đốc kim làm bằng nhựa PP, được tiệt trùng.	Cái	3.000
199	Lentulo	Sử dụng trong nha khoa. - Được làm bằng thép không gỉ - Để đưa chất hàn răng vào ống tuỷ	Cây	60
200	Mũi khoan đuôi chuột	Sử dụng trong nha khoa dùng để khoan các mô cứng, Vật liệu thép không gỉ, hình đuôi chuột, dài \geq 25mm	Chiếc	240
201	Mũi khoan trụ	Sử dụng trong nha khoa, Vật liệu thép không gỉ, hình dạng trụ, dài \geq 25mm	Chiếc	240
202	Mũi khoan xương các cỡ	Mũi khoan xương sử dụng trong nha khoa, Vật liệu thép không gỉ, dài \geq 25mm	Chiếc	60
203	Óc tay khoan	Gồm tua bin lắp với tay khoan nhanh vặn, để chạy mài răng, thao tác làm răng	Cái	12
204	Etching	Dung dịch chứa acid phosphoric và benzalkonium chloride. Bôi lên bề mặt men răng trước khi đặt vật liệu chỉnh hình. Rửa các bề mặt sứ, kim loại... ống 5ml	Ống	60
205	Nong	Sử dụng trong nha khoa. Dùng để giữa ống tuỷ trong điều trị tuỷ răng	Cái	60
206	Vật liệu composite	Thành phần: hạt độn chiếm \geq 80% theo trọng lượng (\geq 66,5% theo thể tích). Sử dụng trám bịt hố rãnh răng.	Cái	100
207	Chỉ co nướu	- Sử dụng trong nha khoa giúp bộc lộ cổ răng, kiểm soát chảy máu. - Chỉ co nướu cotton 100% nguyên chất không tẩm thuốc, được bện thành các chuỗi E213 đan xen, cỡ chỉ 00. - Quy cách: Lọ 254cm.	Lọ	30

208	Bộ lèn ngang	Bộ lèn ngang dùng trong nha khoa Chiều dài: 21mm hoặc 25mm (±5%) có nút chặn cao su	Bộ	120
209	Dụng cụ đo chiều dài ống tủy	Thuốc nội nha được làm bằng chất liệu nhựa. Dụng cụ hỗ trợ đo chính xác chiều dài ống tủy	Cái	1
VI	Vật tư phục vụ phẫu thuật, thủ thuật (66 mặt hàng)			
210	Chỉ Chromic Catgut số 2/0 (kim 26)	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm; chất liệu Collagen tinh khiết, Khoảng 50% độ bền kéo vẫn còn sau 14 ngày; Hoàn thành hấp thụ khối lượng trong khoảng 90 ngày (±5%).	Sợi	3.240
211	Chỉ Chromic Catgut số 2/0 (kim 37)	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 37mm; chất liệu Collagen tinh khiết, Khoảng 50% độ bền kéo vẫn còn sau 14 ngày; Hoàn thành hấp thụ khối lượng trong khoảng 90 ngày (±5%).	Sợi	1.200
212	Chỉ không tan số 2/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene, số 2/0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Xuất xứ: Nhóm EU	Sợi	396
213	Chỉ không tan số 3/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene, số 3/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm. Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485 Xuất xứ: Nhóm EU	Sợi	396
214	Chỉ không tan số 4/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene, số 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Xuất xứ: Nhóm EU	Sợi	396
215	Chỉ không tan tổng hợp số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6.6 và 6/6.6, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Xuất xứ: Nhóm EU	Sợi	3.060

216	Chỉ không tan tổng hợp số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6.6 và 6/6.6, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Xuất xứ: Nhóm EU	Sợi	288
217	Chỉ không tan tổng hợp số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6.6 và 6/6.6, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Xuất xứ: Nhóm EU	Sợi	144
218	Chỉ lạnh	Chỉ phẫu thuật không tiêu, chiều dài: ≥ 360 m. Trọng lượng mỗi cuộn: ≥ 50 g	Cuộn	30
219	Chỉ Nylon số 10/0	Chỉ Nylon đơn sợi thành phần: Polyamide 6.0 hoặc 6.6; số 10/0 dài 30 cm. Hai kim hình thang 3/8 vòng tròn dài 6,2 mm.	Sợi	72
220	Chỉ Nylon số 6/0	Chỉ Nylon đơn sợi thành phần: Polyamide 6.0 hoặc 6.6; số 6/0 dài 75cm kim tam giác 3/8C dài 12mm.	Sợi	24
221	Chỉ Nylon số 7/0	Chỉ Nylon đơn sợi thành phần: Polyamide 6.0 hoặc 6.6; số 7/0 dài 75cm kim tam giác 3/8C, dài 12mm.	Sợi	96
222	Chỉ tan đa sợi trung bình số 1	Chỉ tan đa sợi trung bình Polyglactin 910 áo bao Polyglactine 370 + CaSt, số 1, chỉ dài 90 cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn dài 40mm. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Xuất xứ: Nhóm EU	Sợi	7.380
223	Chỉ tan đa sợi trung bình số 2	Chỉ tan đa sợi trung bình Polyglactin 910 áo bao Polyglactine 370 + CaSt, số 2, chỉ dài 70 cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn dài 40mm Tiêu chuẩn: SO 13485 Xuất xứ: Nhóm EU	Sợi	108
224	Chỉ tan đa sợi trung bình số 2/0	Chỉ tan đa sợi trung bình Polyglactin 910 áo bao Polyglactine 370 + CaSt, số 2/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm. Thời gian giảm sức căng kéo (giảm 100% sau khoảng 35 ngày); thời gian tan hoàn toàn: 56-70 ngày Tiêu chuẩn: ISO 13485 Xuất xứ: Nhóm EU	Sợi	720

225	Chỉ tan đa sợi trung bình số 3/0	Chỉ tan đa sợi trung bình Polyglactin 910 áo bao Polyglactine 370 + CaSt, số 3/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm. Thời gian giảm sức căng kéo (giảm 100% sau khoảng 35 ngày); thời gian tan hoàn toàn: 56-70 ngày Tiêu chuẩn: ISO 13485 Xuất xứ: Nhóm EU	Sợi	720
226	Chỉ tan đa sợi trung bình số 4/0	Chỉ tan đa sợi trung bình Polyglactin 910 áo bao Polyglactine 370 + CaSt, số 4/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm. Thời gian giảm sức căng kéo (giảm 100% sau khoảng 35 ngày); thời gian tan hoàn toàn: 56-70 ngày Tiêu chuẩn: ISO 13485 Xuất xứ: Nhóm EU	Sợi	504
227	Chỉ không tan số 5/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene, số 5/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Xuất xứ: Nhóm EU	Sợi	72
228	CHỈ THÉP LIỀN KIM	Chỉ thép liền kim các số, dài \geq 45cm, kim 1/2 kim tròn đầu cắt vòng kim 48mm. Kim làm bằng thép 300, 302 phủ silicone.	Sợi	50
229	Chỉ thép các cỡ (cuộn 10m)	Đường kính chỉ thép: 0,3/0,4/0,5/0,6/0,7/0,8/0,9/1,0 mm, cuộn dài 10m. Chất liệu thép không gỉ.	Cuộn	30
230	Băng bó bột 10 cm x 4,6 m	Được làm từ bột thạch cao. Gạc 100% cotton. Thời gian đông kết nhanh từ 2 đến \leq 5 phút. Kích thước chiều rộng 10cm, chiều dài 460cm.	Cuộn	3.000
231	Băng bó bột 15cm x4,6m	Được làm từ bột thạch cao. Gạc 100% cotton. Thời gian đông kết nhanh từ 2 đến \leq 5 phút. Kích thước chiều rộng 15cm, chiều dài 460cm.	Cuộn	2.000
232	Băng bó bột 20cm x4,6m	Được làm từ bột thạch cao. Gạc 100% cotton. Thời gian đông kết nhanh từ 2 đến \leq 5 phút. Kích thước chiều rộng 20cm, chiều dài 460cm.	Cuộn	1.000

233	Gạc đã tiệt trùng 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp	Mục đích: Dùng thấm máu, lau rửa vết thương, dùng trong phẫu thuật.... Thành phần: gạc không dệt hút nước (70% vicose + 30% polyester), được tiệt trùng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp	Miếng	12.000
234	Gạc phẫu thuật đã tiệt trùng 10 cm x 10 cm x 12 lớp	Mục đích: Dùng thấm máu, lau rửa vết thương, dùng trong phẫu thuật..... Thành phần: Gạc dệt hút nước (100% cotton), gạc đã được tiệt trùng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Kích thước: 10cm x 10cm x 12 lớp	Miếng	80.000
235	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30 cm x 40 cm x 6 lớp	Mục đích: Dùng thấm máu, lau rửa vết thương, dùng trong phẫu thuật..... Thành phần: Gạc dệt hút nước (100% cotton), gạc đã được tiệt trùng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Kích thước: 30cm x 40cm x 06 lớp	Miếng	10.000
236	Nẹp bản hẹp các cỡ	Bề dày nẹp 4,0mm; rộng 12mm, khoảng cách lỗ từ 16mm-25 mm (các kích cỡ ± 10%); số lỗ: từ 2-18 lỗ; chiều dài: từ ≥ 39mm đến ≤ 295mm. Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	20
237	Nẹp bản rộng các cỡ	Bề dày nẹp 4,8mm; rộng 16mm, khoảng cách lỗ từ 16mm-25 mm (các kích cỡ ± 10%); số lỗ: từ 5-20 lỗ; chiều dài: từ ≥ 87mm đến ≤ 327mm. Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	15
238	Nẹp gỗ cố định gãy xương 150cm	Nẹp bằng gỗ, dùng để cố định khi gãy xương, chiều dài 150 cm.	Cái	200
239	Nẹp gỗ cố định gãy xương 30cm	Nẹp bằng gỗ, dùng để cố định khi gãy xương, chiều dài 30 cm.	Cái	350
240	Nẹp gỗ cố định gãy xương 40cm	Nẹp bằng gỗ, dùng để cố định khi gãy xương, chiều dài 40 cm.	Cái	350
241	Nẹp gỗ cố định gãy xương 50cm	Nẹp bằng gỗ, dùng để cố định khi gãy xương, chiều dài 50 cm.	Cái	350
242	Nẹp gỗ cố định gãy xương 70cm	Nẹp bằng gỗ, dùng để cố định khi gãy xương, chiều dài 70 cm.	Cái	350
243	Nẹp gỗ cố định gãy xương 90cm	Nẹp bằng gỗ, dùng để cố định khi gãy xương, chiều dài 90 cm.	Cái	300
244	Nẹp mâm chày	Bề dày nẹp 3,2mm-3,6mm; rộng 16mm, khoảng cách lỗ từ 16mm-23 mm (các kích cỡ ± 10%); số lỗ: từ 5-13 lỗ; chiều dài: từ ≥ 80mm đến	Cái	10

		≤ 230mm. Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.		
245	Nẹp mắt xích các cỡ	Bề dày nẹp 3,6mm; rộng 10mm, khoảng cách lỗ 12mm (các kích cỡ ± 10%); số lỗ: từ 6-18 lỗ; chiều dài: từ ≥ 70mm đến ≤ 214mm. Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	40
246	Nẹp mini các cỡ	Bề dày nẹp 1,2mm; rộng 5mm, khoảng cách lỗ 6mm (các kích cỡ ± 10%); số lỗ: từ 3-6 lỗ; chiều dài: từ ≥ 17mm đến ≤ 35mm. Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	30
247	Vít 3,5 dài các cỡ	Đường kính thân vít 3,5mm. Đường kính mũ vít 6mm. Chiều dài từ 20 mm- 80mm; (các kích cỡ ± 10%), Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	300
248	Vít 4,5 dài các cỡ	Đường kính thân vít 4,5mm. Đường kính mũ vít 8mm. Chiều dài từ 20 mm- 80mm; (các kích cỡ ± 10%), Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	30
249	Vít xóp đường kính 4,0mm các cỡ	Đường kính vít 4mm. Đường kính đầu vít 6mm. Chiều dài từ 20 mm- 60mm; (các kích cỡ ± 10%), Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	20
250	Vít xóp đường kính 6,5mm các cỡ	Đường kính ren vít 6,5mm. Đường kính mũ vít 8mm. Chiều dài từ 40 mm- 140mm; (các kích cỡ ± 10%), Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	20
251	Vít xương cứng	Đường kính vít 2mm; đường kính mũ vít 4mm. Chiều dài từ 8mm- 38mm; (các kích cỡ ± 10%), Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	300
252	Vít 2,0 dài các cỡ	Đường kính mũ vít 4,0mm; chiều dài từ 6mm-30mm (các kích cỡ ± 10%), Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Cái	30
253	Dao nạo mỏng các số	Dùng lạng mỏng, kích thước ≥ 3,0mm vát 2 mặt, Lưỡi dao bẻ góc Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	Chiếc	80
254	Dây cảm biến (sensor SPO2) sơ sinh dành cho monitor	Cảm biến SpO2 dùng 1 lần Dùng cho trẻ em 3kg - 20kg	Chiếc	4

255	Kim khâu phẫu thuật	Được dùng để khâu vết thương, bằng thép carbon, Đầu kim nhọn, sắc nhọn	Chiếc	2.000
256	Lọc vi khuẩn	Lọc vi khuẩn Clear guard 3 tương thích máy TNI softflow 50/ Đức	Chiếc	200
257	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao mổ các số sản xuất từ thép carbon và thép không gỉ. Đóng gói riêng biệt vào túi nhôm mỏng, được tiệt trùng	Chiếc	8.100
258	Lưới Prolene 10cmx15cm	Gia cố thành bụng thoát vị/ biến cố thông qua nội soi hoặc phẫu thuật nội soi. Kích thước 10cmx15cm, chất liệu Polypropylene, Được khử trùng	Cái	60
259	Lưới Prolene 6cmx11cm	Gia cố thành bụng thoát vị/ biến cố thông qua nội soi hoặc phẫu thuật nội soi. Kích thước 6cmx11cm, chất liệu Polypropylene, Được khử trùng	Cái	40
260	Mũi khoan xương cứng các cỡ	Đường kính từ 2mm - 5mm; Chiều dài từ $\geq 85\text{mm}$ đến $\leq 195\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	20
261	Son JJ	Chất liệu làm bằng Polyurethane. Xông JJ tiêu chuẩn, đa vòng. Một bộ gồm xông JJ, que đẩy, chỉ rút xông và kẹp Clamp. Kích thước: 4,7/5/6/7/8Fr. Chiều dài: 16/24/26/28/30cm	Chiếc	400
262	Thông pezzet các cỡ	Được phủ 1 lớp silicone; làm từ cao su; Size Fr16- Fr36, chiều dài $\geq 400\text{mm}$	Cái	20
263	Túi nilon đựng ruột thừa nội soi	Thành phần: túi nylon làm từ nylon PE; dây buộc làm từ cotton Bộ gồm: Túi nylon nhỏ 9cm x 14cm ($\pm 5\%$), kèm dây buộc, túi nylon lớn 18cm x 230cm ($\pm 5\%$) kèm dây buộc. Được tiệt trùng	Bộ	8.000
264	Vôi Soda	Thành phần chính: hỗn hợp canxi Hydroxit ($\text{Ca}(\text{OH})_2$) và natri Hydroxit (NaOH); dùng để hấp thụ CO_2 . Quy cách can 4,5kg	Can	20

265	Bộ gây tê ngoài màng cứng	<p>Có bơm giảm kháng lực, Catheter dài ≥ 1000 mm, bằng polyamid, polyurethan, thiết kế đầu catheter thuôn nhỏ dần, có 3 đường cảm quang ngầm, 6 lỗ thoát thuốc</p> <p>Đầu nối catheter dạng nắp bật</p> <p>Màng lọc với kích thước lỗ lọc khoảng $0,2 \mu\text{m}$, tấm dán cố định bộ lọc</p> <p>Có 3 bơm và 3 kim tiêm thuốc: 3 bơm tiêm trong đó có bơm test sức cản, 1 bơm tiêm 2 ml, 1 bơm tiêm 20ml;</p> <p>1 kim 21G $0,8 \times 40$ mm, 1 kim 18G $1,2 \times 40$mm, 1 kim 25G $0,5 \times 16$mm</p>	Bộ	730
266	Ống dẫn lưu silicon các cỡ	<p>Kích thước: Chiều dài $396\text{mm} \pm 10\%$ có lỗ; Trẻ em: (Đường kính trong 5mm x Đường kính ngoài 7mm) $\pm 10\%$; Người lớn: (Đường kính trong 7mm x Đường kính ngoài 10mm) $\pm 10\%$. Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương. Dùng để thải dịch.</p>	Cái	100
267	Đinh Kirschner đường kính các cỡ	<p>Đường kính: có ít nhất 10 kích thước từ $1,2\text{mm}$ đến $3,0\text{mm}$, dài $\geq 310\text{mm}$, một đầu nhọn. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485</p>	Cái	100
268	Đinh Metaizeau kết hợp xương các cỡ	<p>Chất liệu titanium.</p> <p>Đường kính từ $2,0\text{ mm}$-$4,0\text{ mm}$</p> <p>Chiều dài $\geq 440\text{mm}$</p>	Cái	40
269	Clip titan cầm máu	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium, dùng để kẹp mạch máu - Mặt cắt hình tam giác - Có các cỡ khác nhau từ S đến L. 	Cái	240
270	Kẹp khóa mạch máu	<p>Chất liệu: Polymer không tan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có công nghệ khoá an toàn, có máu chống trượt với chân bám 360°, gai dọc thân clip và cơ chế khoá đầu clip. - Cơ chế gập mở linh hoạt, kẹp được mạch máu từ $2\text{-}16\text{mm}$, đi qua trocar 5mm và 10mm. 	Cái	240
271	Đinh sign các cỡ	<p>Đinh nội tủy xương đùi, xương chày 2 và 4 lỗ bắt vít</p> <p>Đường kính đinh từ 8mm đến 12mm, chất liệu thép không gỉ</p>	Cái	20

272	Bộ lọc vi khuẩn	Bộ lọc vi khuẩn tương thích máy thở Newport™ e360 Ventilator/ Mỹ Kích thước trong đầu cắm vào máy khoảng 45,5mm. Kích thước ngoài đầu cắm vào máy khoảng 48mm, kích thước đầu còn lại khoảng 29,5mm. Hiệu quả lọc khuẩn $\geq 99\%$.	Bộ	1.000
273	Kim gây tê siêu âm chuyên dùng	Kim gây tê siêu âm chuyên dùng Vạch đánh dấu mỗi 1cm trên thân kim giúp ước lượng chiều dài thân kim đang nằm trong cơ thể bệnh nhân Mặt vát kim khoảng $30^\circ (\pm 5\%)$ giúp giảm tổn thương thần kinh Có dây nối bơm thuốc để hạn chế đi lệch kim Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, dễ cầm. Kích thước kim 21Gx 4", 22G x 2"	Cái	400
274	Gel siêu âm vô khuẩn	Gel trong suốt, không mùi Độ pH $6,5 \pm 0,75$ Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Can 5 lít	Can	20
275	Gạc dẫn lưu tai mũi họng	Dạng sợi, gạc hút nước. Kích thước $(1,5\text{cm} \times 200\text{cm}) \pm 5\% \times 4$ lớp. Bao gói tiệt trùng.	Cái	500
VII	Vật tư, y dụng cụ y tế khác (101 mặt hàng)			
276	Băng chỉ thị nhiệt	Băng keo chỉ thị nhiệt kích thước $2,4\text{cm} \times 55\text{m} (\pm 5\%)$ với vạch mực chuyển màu giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn hay chưa. Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121°C và $132-134^\circ\text{C}$.	Cuộn	200
277	Băng cuộn	Nguyên liệu 100% sợi cotton, kích thước $2,5\text{m} \times 10\text{cm} (\pm 5\%)$. Được làm từ gạc cuộn chắc, có giấy bao ngoài kín. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không có xơ. Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây.	Cuộn	18.000
278	Băng dính lụa	Băng keo lụa y tế có độ bám dính cao. Mặt trong được phủ một lớp keo acrylic. Xé theo chiều dọc và chiều ngang Kích thước $5\text{cm} \times 9,1\text{m} (\pm 5\%)$	Cuộn	6.000

279	Bao cao su	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, chiều dài $\geq 170\text{mm}$, chiều rộng $52\text{mm} \pm 2\text{mm}$	Chiếc	6.000
280	Bình khí EO 100% khí	Bình khí chứa 100% EO, ≥ 100 gram. Sử dụng đơn liều an toàn	Bình	96
281	Bộ dây vệ sinh dành cho dây nội soi dạ dày và đại tràng	Bộ dây vệ sinh dành cho dây nội soi dạ dày và đại tràng Đường kính kênh dụng cụ 2,0 - 4,2 mm	Bộ	2
282	Bơm cho ăn người lớn	Dùng để cho ăn, sử dụng 1 lần. Bơm 50 ml/CC Vỏ bơm: làm bằng nhựa PP trong suốt, có vạch chia dung tích rõ ràng, đốc to bằng lắp vừa dây cho ăn và dụng cụ y tế chuyên dụng. Pít tông: Tron và khít ống, được làm từ nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, có khóa bẻ gãy để huỷ sau khi sử dụng. Gioăng: được làm từ chất liệu cao su tự nhiên, mềm dẻo, tạo độ khít giữa pít tông và vỏ bơm. Sản phẩm được tiệt trùng, vô trùng-không độc-không buốt-không gây sốt	Chiếc	820
283	Bông thấm y tế	Thành phần: 100% cotton, bông xơ tự nhiên, bông màu trắng, không mùi, mịn màng, mềm mại, dai, không bị xơ và có độ thấm hút rất cao, không lẫn tạp chất, không chất tẩy rửa, không có độc tố và không gây dị ứng, không có xơ mùn hoà tan trong nước và dịch phủ tạng. Bông dạng dài, được cuộn thành cuộn chắc hoặc được cắt thành miếng nhỏ đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. độ ẩm $\leq 8\%$, độ ngậm nước Trung bình 20g nước/1g bông, tốc độ hút nước $\leq 5\text{s}$	Kg	780
284	Canuyn nội khí quản các số	Ống thông đường thở Các Size 40mm, 50mm, 60mm, 70mm, 80mm, 90mm, 100mm, 120mm chất liệu polyethylene	Cái	310
285	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng, chất liệu Polyurethane. Bộ kit đầy đủ có 2 bơm tiêm, đường kính ngoài 7F, chiều dài từ 15cm-30cm, kích cỡ lumen 16/18/18	Bộ	550

286	Chạc 3 tiêm truyền có dây nối	Khoá ba ngã dây nối $\geq 10\text{cm}$. Đầu nối khoá ren với 1 khoá ren chính và 2 khoá ren phụ Mũi tên chỉ hướng dòng chảy. Núm vặn có thể xoay dễ dàng (360 độ không giới hạn). Thể tích mỗi $\leq 0,7\text{ml}$ Dây chất liệu PVC không có DEHP	Chiếc	4.020
287	Chỉ thị hóa học kiểm soát chất lượng tiệt trùng hơi nước	Chỉ thị hoá học dùng để kiểm soát đánh giá hiệu quả tiệt khuẩn bên trong gói. Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước $121^{\circ}\text{C} - 132^{\circ}\text{C}$. Kích thước $(5,1\text{ cm} \times 1,9\text{ cm}) \pm 5\%$.	Chiếc	3.000
288	Chỉ thị hóa học kiểm soát tiệt trùng EO	Que giấy chỉ thị hóa học, dùng kiểm tra tiệt khuẩn với khí EO hoặc hỗn hợp khí EO/HCFC. Kích thước $(1,5\text{cm} \times 20\text{cm}) \pm 5\%$. Vạch màu thay đổi sau khi qua tiệt khuẩn.	Que	6.000
289	Co chữ Y các cỡ	* Co nối chữ Y có hoặc không có khoá luer lock dùng kết nối bộ dây tuần hoàn ngoài cơ thể * Vật liệu Polycarbonate trong suốt, Nút đẩy vật liệu PVC, Khóa Luer vật liệu HDPE * Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái	Chiếc	20
290	Cồn 70 độ	Mục đích: Dùng để ngâm rửa, vệ sinh, khử trùng, sát khuẩn dụng cụ y tế, thiết bị y tế, khử trùng trong y tế. Thành phần: Ethanol 70%	Lít	2.000
291	Dầu Parafin tiệt trùng 5 ml	Thành phần: parafin Mục đích sử dụng: - Bôi trơn các dụng cụ trong các thủ thuật: Đặt nội khí quản, đặt sonde tiêu, đặt sonde dạ dày, phẫu thuật nội soi tiết niệu, thăm khám âm đạo, thăm khám trực tràng... - Làm trơn, thụt trực tràng trong các trường hợp táo bón. - Quý cách: ống 5,0 ml	Ống	1.850
292	Dây cho ăn (Sol cho ăn)	Công dụng: hỗ trợ truyền dinh dưỡng, thức ăn Yêu cầu: ống thông và đầu nối làm từ nhựa PVC y tế Đường kính ống (OD): 6Fr, 8Fr, 10Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr. Chiều dài ống 6Fr và 8Fr: $\geq 50\text{cm}$ Chiều dài ống 10Fr đến 18Fr: $\geq 120\text{cm}$	Cái	1.010

293	Dây nối bơm nước dùng trong tán sỏi	Chất liệu nhựa y tế PVC, không latex, không DEHP, với khóa kết nối, khóa bảo vệ, ống chống xoắn. Độ dài của dây nối $\geq 140\text{cm}$. Đường kính ngoài $\geq 4,0\text{mm}$, đường kính trong $\geq 2,8\text{ mm}$, được tiệt trùng.	Chiếc	500
294	Dây nối oxy	* Được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh * Độ dài: $\geq 2.000\text{ mm}$ * Thành trong lòng ống dây có hình sao, giúp chống tắc nghẽn khí oxy khi ống dây bị đè bẹp hay bị gãy gập, hai đầu dây được gắn phễu.	Cái	455
295	Dây thở Ô xy gong kính	Được làm từ nhựa PVC y tế Có loại dây thẳng, dây loe miệng, dây đầu cong, kích thước theo yêu cầu: S, M, L, XL Ống dây dài $\geq 2\text{m}$	Cái	23.000
296	Dây thông hút nhót các số	Làm từ nhựa PVC y tế. Một đầu dây được gắn với khóa van điều chỉnh, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây. Chiều dài ống thông $\geq 500\text{mm}$, đã được tiệt trùng. Các size theo yêu cầu.	Cái	4.800
297	Dây truyền máu	Dây truyền máu - Chiều dài dây $\geq 1800\text{ mm}$ - Có bầu 2 ngăn. Ngăn trên có lưới lọc, kích thước màng lọc $\leq 200\text{ }\mu\text{m}$, đảm bảo máu không bị vón cục khi truyền. - Có chức năng đuổi khí tự động, - Đầu khóa Spin Lock.	Bộ	400
298	Dây truyền nối bơm tiêm điện	Dây truyền nối bơm tiêm điện. - Dây chất liệu PVC. - Chiều dài $\geq 140\text{cm}$. - Đường kính trong: $\geq 0,9\text{ mm}$. Đường kính ngoài $\geq 1,9\text{mm}$. - Đầu nối Luer Lock. - Được tiệt trùng	Chiếc	6.100
299	Đè lưỡi gỗ	Dùng để khám miệng, lưỡi họng. Que đè lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Kích thước: $(150\text{mm} \times 20\text{mm} \times 2\text{mm}) \pm 5\%$ Được tiệt trùng	Chiếc	27.000

300	Dung dịch Javen	Mục đích: Javen dùng trong khử trùng làm sạch nước sinh hoạt, sát trùng nhà ở, bệnh viện, nhà vệ sinh. Thành phần chứa: Sodium Hypochloride – NaClO – Javen 12%	Lít	2.000
301	Dung dịch rửa tay phẫu thuật viên	Mục đích: Dùng để sát khuẩn tay phẫu thuật trong y tế. Thành phần chính: Chlorhexidine digluconate 4,0 %. Can 5 lít	Can	30
302	Dung dịch tẩy rửa và tiền khử khuẩn dụng cụ y tế	Mục đích: Sử dụng khử khuẩn mức độ trung bình cho các dụng cụ y tế trước khi được tiệt khuẩn hoặc khử khuẩn ở giai đoạn cuối. Thành phần chính: Didecyl dimethyl ammonium chloride 7%, Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride 1,5% Chai 1 lít	Chai	175
303	Gạc thấm Y tế	Thành phần: 100% sợi bông cotton, gạc đã được tiệt trùng. Tốc độ hút nước ≤5 giây. Độ hút nước ≥ 10g nước/ 1g gạc	Mét	15.000
304	Gel KY	Dùng bôi trơn trong khám phụ khoa, thực rửa đường tiết niệu, nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng. Trong suốt, không màu, không mùi. Thành phần chính gồm: Nước, Glycerin, propylene glycol, hydroxyl ethyl cellulose, sodium benzoate và tá dược. Độ pH 5±0.5. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Quy cách: Tuýp 82g.	Tuýp	600
305	Gel siêu âm	Gel trong suốt, không mùi. Độ pH 6,5±0,75. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Thành phần chính gồm: Nước, Carbomer, Glycerin, Sodium Benzoate,... Can 5 Lít	Can	180
306	Giấy điện tim 12 cần	Kích thước: 210mm x 280mm x 200 tờ (dạng tập); Sọc lưới: đỏ Sử dụng trên các máy điện tim 12 cần WELCH ALLYN CP 100	Tập	80
307	Giấy in nhiệt máy tiệt trùng hơi nước (tiệt trùng bằng hơi nước)	Giấy in nhiệt sử dụng trên máy tiệt trùng Hanshin. Model: HS-5035	Cuộn	10

308	Giấy in nhiệt máy tiết trùng nhiệt độ thấp (tiệt trùng khí EO)	Giấy in nhiệt sử dụng trên máy tiết trùng Hanshin, Model: HG-4085E.P	Cuộn	10
309	Hóa chất khử khuẩn bề mặt thông qua đường không khí	Dùng để khử khuẩn toàn bộ khu vực phòng qua đường không khí và sát khuẩn bề mặt thiết bị. Thành phần: Hydrogen peroxide 5,0 % và ion Ag 0,005 % Can 5 lít	Can	40
310	Hóa chất khử khuẩn cloramin B	Thành phần: Active chlorine 25-29%, Hàm lượng NaOH tối đa 0,8%. Có tác dụng khử trùng, diệt vi khuẩn trong nước	Kg	1.600
311	Hóa chất khử khuẩn tốc độ cao 10 phút	Khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế trước khi đưa vào sử dụng. Chỉ định sử dụng: dụng cụ nội soi, các dụng cụ không chịu nhiệt (bình đựng nước làm ấm oxy, dụng cụ bằng nhựa, thủy tinh và các dụng cụ ngoại khoa thông thường bằng thép, nhôm, đồng...) Thành phần: Glutaraldehyde: 2,55% (w/w) Hiệu quả sau thời gian tiếp xúc khoảng 10 phút. Can 5 lít	Can	70
312	Hóa chất khử khuẩn tốc độ cao 5 phút	Khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế trước khi đưa vào sử dụng. Chỉ định sử dụng: dụng cụ nội soi, các dụng cụ không chịu nhiệt (bình đựng nước làm ấm oxy, dụng cụ bằng nhựa, thủy tinh và các dụng cụ ngoại khoa thông thường bằng thép, nhôm, đồng...) Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w). Đạt yêu cầu khử khuẩn mức độ cao sau thời gian tiếp xúc khoảng 5 phút. Can 5 lít.	Can	100
313	Kẹp cầm máu nội soi tay cầm lắp sẵn	Clip cầm máu có thể xoay trái và phải 360 độ, có độ mở từ 8mm, 11mm và 16mm Đóng mở được nhiều lần.	Cái	250
314	Kim cấy chỉ	Mục đích: dùng cho việc cấy chỉ vào các huyết trên cơ thể con người. Kim cấy chỉ loại dùng 01 lần gồm: giá lót lõi, giá đỡ kim, thân kim, ống bảo vệ và lõi kim. Thân kim và lõi kim được làm từ thép y tế không gỉ. Giá lót lõi, giá	Cái	140

		<p>đỡ kim, ống bảo vệ được làm từ nhựa PP chuyên dùng trong y tế. Kim cây chỉ phải vô trùng. Các cỡ có đường kính từ 0,5mm - 1,2mm.</p>		
315	Kim châm cứu các số	<p>Dùng để châm cứu vào các huyệt vị trên cơ thể người. Thân kim được làm từ thép không gỉ. Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm. Đường kính thân kim 0,14mm - 0,50 mm, độ dài thân kim từ 7mm - 150mm. Kim châm cứu dùng 1 lần và vô trùng Quy cách: 10 cái 1 túi/vi</p>	Vi/túi	50.000
316	Kim gây tê tuỷ sống các số	<p>Mục đích: dùng để gây tê tuỷ sống, chọc dò tuỷ sống. Chuôi kim trong suốt, có rãnh, đầu kim có 3 mặt vát sắc Cỡ kim G18-G29.</p>	Cái	3.000
317	Kim laser	<p>Kim Quang dẫn laser nội mạch dùng chủ yếu cho laser nội mạch. Kim quang được làm từ chất liệu ETFE Sợi quang: loại đơn mode, chất liệu ETFE, đường kính sợi quang: $\geq 0,5$ mm; chiều dài sợi quang ≥ 4mm Kim chui: đường kính lớn ≥ 7 mm, đường kính nhỏ $\geq 0,5$mm, chất liệu nhựa. Nắp bảo vệ: hình trụ, đường kính lớn ≥ 5mm, đường kính nhỏ ≥ 3mm, dài ≥ 60mm, trong suốt Được khử trùng Kích cỡ: 22G.</p>	Chiếc	12.000
318	Kim lấy thuốc các số	<p>Mục đích: dùng để tiêm thuốc. Kim được làm từ thép không gỉ. Đầu kim vát 3 sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp kín bảo vệ đầu kim tốt. - Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. - Đốc kim làm bằng nhựa PP, có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ. - Được tiệt trùng, đóng gói dạng ép vi giấy y tế trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt</p>	Chiếc	250.000

319	Kim luồn tĩnh mạch	Được làm từ ETFE, Đầu catheter ôm chặt thân kim. Kim được tiệt trùng. Có các cỡ kim: 14G, 16G, 18G, 20G, 22G, 24G.	Chiếc	6.000
320	Kim sinh thiết cho nội soi đường tiêu hóa các cỡ	Dùng để kẹp mô bệnh ra khỏi cơ thể. Kim tương thích kênh làm việc $\geq 2,0\text{mm}$ (có đường kính ngàm $\geq 1,8\text{mm}$. Chiều dài làm việc $\geq 160\text{cm}$), . Kim tương thích kênh làm việc $\geq 2,8\text{mm}$ (có đường kính ngàm $\geq 2,3\text{mm}$. Chiều dài làm việc $180\text{cm} - 230\text{cm}$)	Cái	200
321	Kim tiêm cầm máu đại tràng	Khóa đảm bảo không có sự cố trong suốt quá trình tiêm, độ nhô ổn định, thiết kế đầu kim không làm giãn tĩnh mạch hoặc xuất huyết khi rút kim. Độ nhô đầu tip 4mm, 5mm, 6mm Chiều dài làm việc: 180cm, 200cm, 230cm. Đường kính 22G, 25G	Cái	150
322	Kim truyền cánh bướm	Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ. Thân kim nhẵn, tròn đều, được phủ silicone, phần cánh bướm có màu phân biệt cỡ kim và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Dây dẫn có độ đàn hồi cao, không gãy gập. Đầu nối: đầu côn hoặc đầu xoắn, không có vết rạn nứt, ba via. Kích thước từ 18G-30G Được tiệt trùng.	Chiếc	6.500
323	Lọng cắt polyp ống tiêu hóa	Thùng lọng được thiết kế hình Oval, kích cỡ từ 10mm-30mm, đường kính dây bện $\geq 0,23\text{mm}$, kênh làm việc $\geq 2,8\text{mm}$, chiều dài làm việc $\geq 2300\text{mm}$. Tay cầm có thể xoay.	Cái	600
324	Mask gây mê	Được làm bằng nhựa PVC, không có Latex. Vành bơm hơi đảm bảo cho việc kín khí. Khớp nối tiêu chuẩn. Các cỡ theo nhu cầu.	Cái	100

325	Mask khí dung các cỡ	Mặt nạ khí dung Làm bằng nhựa PVC y tế Có kẹp mũi loại điều chỉnh được Mặt nạ có dây đeo. Bầu đựng thuốc từ 2ml - 6ml. Tốc độ phun sương từ 0,60ml - 0,70ml/phút. Giọt phun sương từ 0,010ml - 0,014ml/giọt. Có ống thở dài $\geq 2m$ Kích thước: size S, M, L, XL	Chiếc	4.450
326	Mask thở Oxy các cỡ	Mặt nạ thở oxy Làm bằng nhựa PVC y tế, không gây dị ứng Có kẹp mũi loại điều chỉnh được Có dây đeo đàn hồi Có ống thở dài $\geq 2m$ Kích thước: size S, M, L, XL	Chiếc	1.300
327	Miếng dán điện cực tim	- Chất liệu: Điện cực có một mặt gel dẫn điện có keo acrylate, một lớp nhựa ABS được tráng bạc, và một đầu nối thép không gỉ dẫn tín hiệu điện tâm đồ (ECG) tốt từ da đến màn hình ECG. Nền xốp kháng nước. - Kích thước: 3,7 cm x 3,3 cm ($\pm 5\%$) - Đặc tính: hình chữ nhật, góc bo tròn, thông thoáng, gel sử dụng ít chloride, dễ chịu cho da, nút điện cực có nắp bảo vệ. Độ dính tốt ngay cả trên bệnh nhân đổ mồ hôi. - Dính tốt trên da lên đến 3 ngày.	Cái	8.000
328	Mũ y tế dùng 1 lần	Được sản xuất từ vải không dệt PP. - Không thấm nước, không độc, - Dây thun 2 sợi mềm, chắc chắn, bao mũ, có tính đàn hồi cao - Chiều dài: 21cm \pm 2cm - Chiều rộng: 2,3cm \pm 0,5cm - Đường kính khi mở vòng đầu: \geq 48cm. Sản phẩm tiệt trùng	Chiếc	5.000
329	Nẹp cổ cứng	Mục đích: Sơ cứu chấn thương đốt sống cổ, treo cổ hoặc căng cổ quá mức, hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ Hoặc sử dụng cho các chấn thương đốt sống cổ trong trường hợp cần mở khí quản Các cỡ: từ XXS đến L Thanh nẹp được làm từ hợp kim nhôm, băng nẹp làm từ các loại vải chịu lực tốt và thoáng khí, dây đai được trang bị khoá	Chiếc	30

330	Ống đặt nội khí quản các số	Ống đặt nội khí quản qua miệng/mũi. Được sản xuất từ nhựa PVC, Có bóng Bóng thể tích cao Có mắt giấu khuất, đóng gói trong túi riêng. Đã tiệt trùng Kích thước: 3,0mm-4,5mm; 5,0mm-10,0mm.	Chiếc	2.500
331	Overtip dạ dày	Nắp bảo vệ đầu dây soi dạ dày, hỗ trợ tầm nhìn của dây soi trong khi thăm khám và điều trị nội soi	Chiếc	5
332	Que thử đường huyết	Que thử đường huyết dùng cho máy BGM-101, BGM-102/ Hãng Hangzhou Lysun Biotechnology - Trung Quốc, đo được mẫu máu mao mạch hoặc tĩnh mạch. Dải đo 1,1-33,3mmol/L	Que	33.000
333	Sâu máy thở silicon	Tương thích máy E360, hãng Newport/Mỹ. Chất liệu bằng nhựa PVC dạng lò so, dùng trong máy thở. Kích thước chiều dài: ≥ 15 cm. Đầu nối xoay 360 độ Được tiệt trùng	Cái	90
334	Thông Foley 2 nhánh	Từ latex tự nhiên Phủ Silicone Van nhựa hoặc van cao su có mã màu cho từng kích thước Fr6-Fr10 (trẻ em) Chiều dài: ≥ 270 mm. Dung tích bóng: 3cc/5cc Fr12-Fr22 (tiêu chuẩn) Chiều dài: ≥ 400 mm. Dung tích bóng: 5cc/10cc/30cc Fr24-Fr26 (tiêu chuẩn) Chiều dài ≥ 400 mm. Dung tích bóng: 10cc/30cc	Chiếc	3.000
335	Túi đựng nước tiểu	Dung tích: ≥ 2000 ml Cổng xả ở đáy túi, ống dẫn vào dài ≥ 90 cm, van chữ T chống trào ngược Được tiệt trùng	Chiếc	3.000
336	Viên khử khuẩn Presept	Mục đích: Dùng để khử khuẩn bề mặt, đồ vải, đồ thủy tinh và các thiết bị phòng mổ, phòng đẻ, phòng bệnh, các labo xét nghiệm cũng như trong khử khuẩn bệnh viện nói chung. Thành phần chính: Troclosene Sodium Hộp 100 viên	Hộp	200

337	Sát khuẩn tay nhanh	Cảm quan: Dung dịch đồng nhất trong suốt Tỷ trọng ở 20°C: 0,820 – 0,870 g/ml. Độ pH ở 20°C: 6,00 – 8,00 Hàm lượng Ethanol: 68,25 – 71,75 (% w/w) Hàm lượng Isopropanol: 2,125 – 2,875 (% w/w) Hàm lượng Methanol ≤ 2000 (mg/l) Quy cách: Chai 500ml	Chai	1.200
338	Giấy monitor sản khoa	Giấy in monitor sản khoa kích thước 152x150-200P	Cuộn	120
339	Túi ép tiệt trùng cuộn phồng	- Chiều dài: 360m - 400m - Chiều rộng: ≥ 10 cm - Dung tích: ≥ 180ml. - Chất liệu PET	Cuộn	12
340	Ngáng miệng có dây đeo	Ngáng miệng có 2 loại: tiêu chuẩn dành cho người lớn và loại dành cho trẻ em, ngáng miệng được làm từ chất liệu nhựa, dây đeo không chứa latex. Kích cỡ bên trong: (21mm x 26mm) hoặc (13mm x 20mm) (± 10%).	cái	50
341	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản	Bộ đầu thắt tĩnh mạch thực quản gồm có: tay cầm và đầu thắt, một ống kéo có đầu cong và một kim có chụp bảo vệ. Với thiết kế 1 đầu thắt gồm 4/6 vòng bần. Đường kính cáp 8,8-9,8mm phù hợp với dây soi 9,4 mm -14 mm. Chiều dài của dây kéo từ 145cm-190cm, chất liệu bằng lụa.	cái	20
342	Vợt lưới lấy dị vật	Vợt hút dị vật có tay cầm 3 ring, ở tay cầm có khuyên để xoay chiều vợt hút. Chiều dài làm việc ≥ 160cm, kích thước vợt ≥ 30mm, tương thích với kênh làm việc ≥ 2,8mm. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2
343	Kim cá sấu gấp dị vật	Kim gấp dị vật ngàm cá sấu, răng chuột hoặc kết hợp. Tay cầm bằng nhựa, 3 ring. Đường kính ngàm ≥ 1,8mm, độ mở ngàm ≥ 6,3mm. Chất liệu ngàm bằng thép không gỉ. Chiều dài làm việc ≥ 120cm.	Cái	2

344	Băng vô khuẩn chống thấm nước	<p>Băng dính trong suốt dùng trong cố định các loại catheter</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: màng Polyurethane 5-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic 5-25% (không latex), không sót keo khi tháo băng. - Có xẻ rãnh - Có viền giấy bo tròn tráng Silicon - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Đặc tính: Kháng vi khuẩn/virus, quan sát được vùng tiêm và vùng da, thông thoáng, co giãn theo chuyển động của da, hạn chế kích ứng da - Kích cỡ: 6cm x 7 cm ($\pm 10\%$) - Đóng gói tiệt khuẩn riêng từng miếng 	Hộp	50
345	chạc 3 tiêm truyền không dây nối	<p>Chạc 3 tiêm truyền không dây nối Góc xoay đa chiều linh hoạt có tín hiệu hãm cho các nắp xoay khoảng 45 độ trong sử dụng, không bị tròn trong quá trình sử dụng. Chịu được áp lực $\geq 4\text{bar}$ Thời gian sử dụng ≥ 96 giờ Tiệt trùng.</p>	Cái	200
346	Troca dẫn lưu màng phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông dẫn lưu màng phổi làm bằng PVC mềm, mờ và chống xoắn, đi kèm trocar làm bằng thép không gỉ - Hai lỗ bên để dẫn lưu hiệu quả. - Đầu gần có đầu nối tròn để dễ dàng kết nối với bình dẫn lưu. - Các điểm đánh dấu ở 5cm - 20cm tính từ đầu xa giúp xác định độ sâu. - Tay cầm phẳng tăng khả năng cơ động. - Vô trùng 	Cái	10
347	Bộ hút đờm kín	<p>Bộ hút đờm kín sử dụng $\geq 72\text{h}$ với van rửa tự động:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Có 2 van: 1 van chân không (Vacuum Valve) tự động súc rửa và 1 van một chiều * Catheter nguyên liệu không chứa DEHP, chịu được áp lực hút $\geq 55\text{kPa}$ (412mmHg) trong một lần hút (15 giây) * Vỏ bọc polyurethane đảm bảo hệ thống kín * Có 1 ống nối nội khí quản và 1 nắp đậy 2 trong 1 đi kèm, giúp kết nối hoặc tháo lắp dễ dàng 	Bộ	50

348	Ống nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi-low EVAC)	<p>* Ống nội khí quản loại có dây hút đàm trên bóng</p> <p>* Bóng hình phễu dễ gom dịch tiết, bóng nhung mềm, thành mỏng (0,06mm ± 5%), đường kính lớn (số 7 trở lên có đường kính bóng ≥ 30mm)</p> <p>* Vạch đánh dấu cách bóng 3,5cm (size 6.0, 6.5, 7.0, 7.5), 4cm (size 8.0, 8.5, 9.0)</p> <p>* Dây bơm bóng có in thông tin ID ống và đường kính bóng</p> <p>* Các cỡ: 6-9, OD từ 9,1mm-13mm, chiều dài ống từ 290mm-330mm, đường kính bóng từ 23mm-30mm</p>	Cái	100
349	Nội khí quản 2 nòng	<p>Ống nội phế quản 2 nòng trái/phải</p> <p>* Vật liệu PVC, phủ silicone. Không chứa latex, không chứa DEHP.</p> <p>* Phụ kiện: 4 dây hút đàm vật liệu không chứa DEHP, loại có van kiểm soát, thanh dẫn đường (stylet), bộ co nối gồm: Co Y, 2 co ≥ 15mm, 2 ống nối bằng silicon có kẹp, 2 co xoay</p> <p>* 2 bóng mềm mịn thể tích lớn, áp lực thấp, bóng phế quản phải có hình chữ P</p>	Cái	3
350	Catheter tĩnh mạch trung tâm luôn từ tĩnh mạch ngoại vi	<p>Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng 14G và 16G, gồm các linh kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim Y 18G x 7cm, có van một chiều ngăn trào máu - Catheter bằng Polyurethane, không latex, thân có cảm quang, vạch chia + 14G x 20cm (tốc độ dòng ≥ 127ml/phút) + 16GX20cm (Tốc độ dòng ≥ 56ml/phút) - Các phụ kiện khác: 1 dây dẫn Nitinol đầu J, 1 cây nong, 1 bơm tiêm, 1 dao mổ, 1 đầu nối phủ Heparin <p>* Đóng gói tiệt trùng</p>	Cái	20

351	Catheter động mạch	<ul style="list-style-type: none"> * Catheter động mạch dài $\geq 4,5\text{cm}$ * Có sleeve (ống đỡ) ở đầu ra catheter giúp chống gãy gập khi lưu lâu + Guide wire đầu thẳng 0,021"x 20cm luôn sẵn trong catheter + Kim dẫn thẳng 20Ga x 4cm + Bơm tiêm 2,5cc 	Cái	20
352	Bộ dây thở dùng 1 lần	<p>Dây máy thở làm bằng vật liệu PE - EVA. Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đầu nối xoay luer lock (22M/15F-15M): 1 chiếc * Co nối Y, có 2 cổng lấy mẫu đo có nắp gắn liền(22M/15F-22M): 1 chiếc * đoạn limb dài $\geq 80\text{cm}$ (Người lớn $\theta \geq 22\text{mm}$/ trẻ em $\theta \geq 15\text{mm}$): 4 dây * Co nối thẳng (22F-22M): 4 cái * Bẫy nước (22M): 2 cái 	Bộ	240
353	Sonde Black More	<p>Ống silicone cầm máu thực quản dạ dày: 03 nhánh có 02 bóng chèn, van cho bóng chèn thực quản, van cho bóng chèn dạ dày, bóng Pilot, Stylet dẫn đường làm bằng thép không gỉ, trên ống có vạch đánh dấu độ sâu từ 25cm đến 50cm. Bóng chèn dạ dày dài $\geq 60\text{mm}$. Bóng chèn thực quản dài $\geq 140\text{mm}$. Chiều dài ống $\geq 950\text{mm}$.</p>	Cái	10
354	Canuyl mở khí quản	<p>Có bóng Làm từ nhựa PVC Cong ≥ 90 độ Có vạch cảnh quang chạy dọc thân Đầu nối $\geq 15\text{mm}$ Kích thước: 5,0mm-10,0mm</p>	Cái	10
355	Dây truyền dịch dành cho máy truyền dịch	<p>Chất liệu Polybutadiene, đầu nối dạng trượt, chiều dài dây ≥ 213 cm, tương thích máy truyền dịch Terumo/ Nhật Bản</p>	Cái	50
356	Cục kê mũi nhựa	<p>Kích thước: Lớn (đường kính lỗ $\geq 3,5\text{mm}$), nhỏ (đường kính lỗ $\geq 2\text{mm}$) Được làm từ Nhựa PP. Có thể điều khiển lực hút cho phù hợp.</p>	Cái	100
357	Khăn lau khử khuẩn	<p>Khăn lau khử khuẩn bề mặt ít côn, làm bằng vải không dệt. - Thành phần: Didecyldimethylammonium chloride $\leq 0,76\%$, Ethanol $\leq 7,5\%$.</p>	Hộp	200

		Isopropanol \leq 15% - Hộp 160 khăn		
358	Túi hấp tiệt trùng 30cm x 300m	Kích thước 30cm x 300m (\pm 5%) Túi gồm một lớp giấy và một lớp film. Có 2 loại chỉ thị được in trên mép hàn dùng cho 2 phương pháp tiệt khuẩn bằng hơi nước và khí Ethylene oxide (E.O gas).	cuộn	2
359	Túi hấp tiệt trùng 20cm x 200m	Kích thước 20cm x 200m (\pm 5%) Túi gồm một lớp giấy và một lớp film. Có 2 loại chỉ thị được in trên mép hàn dùng cho 2 phương pháp tiệt khuẩn bằng hơi nước và khí Ethylene oxide (E.O gas).	cuộn	2
360	Túi hấp tiệt trùng 15cm x 200m	Kích thước 15cm x 200m (\pm 5%) Túi gồm một lớp giấy và một lớp film. Có 2 loại chỉ thị được in trên mép hàn dùng cho 2 phương pháp tiệt khuẩn bằng hơi nước và khí Ethylene oxide (E.O gas).	Cuộn	2
361	Kẹp rốn sơ sinh	- Làm từ nhựa PP nguyên sinh - Gồm 2 phần nối với nhau bằng các khớp răng. Các máu răng của 2 hàm khớp kín vào nhau và hai hàm song song. - Được tiệt trùng	Cái	3.000
362	Overtip đại tràng	Nắp bảo vệ đầu dây soi đại tràng, hỗ trợ tầm nhìn của dây soi trong khi thăm khám và điều trị nội soi	Cái	5
363	Vòng thắt trĩ bằng cao su	Vòng thắt trĩ bằng cao su được đặt ở gốc búi trĩ bằng dụng cụ thắt trĩ, giúp cắt tưới máu đến mô	Cái	200
364	Bộ nội soi hậu môn ống cứng	Ống soi hậu môn chuyên dùng trong thăm khám hậu môn, được làm bằng thép không gỉ, dễ dàng khử trùng và hấp sấy.	Bộ	1
365	Súng thắt trĩ	Chất liệu: thép không gỉ Súng bắn trĩ dùng để bắn, thắt trĩ bằng vòng cao su	Cái	1
366	Cảm biến SpO2 người lớn (máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn)	Cảm biến SpO2 người lớn dùng cho máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn 45NE0-E1 hãng Welch Allyn/ Mỹ	Cái	5
367	Cảm biến SpO2 người lớn, sơ sinh (Monitor theo dõi bệnh nhân)	Cảm biến SpO2 người lớn, sơ sinh dùng tương thích các loại Monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	10
368	Bộ núm điện cực (Máy điện tim)	Bộ núm điện cực dùng cho Máy điện tim CP50 hãng Welch Allyn/ Thái Lan Đầu cảm tiêu chuẩn 3mm/4mm Đường kính bóng 21mm/6mm	Bộ	15

369	Bộ làm ấm máy TNI softFlow 50	Gồm cầu nối, lọc vi khuẩn, bộ làm ấm làm ấm tự làm đầy nước, tương thích máy thở TNI softFlow 50/ Đức	Bộ	5
370	Bộ Dây thở silicon dùng nhiều lần cho máy gây mê	Bộ dây thở bằng Silicon dùng nhiều lần cho máy gây mê. Cấu hình gồm có: <ul style="list-style-type: none"> • Đoạn dây thở bằng Silicon dài \geq 150cm: 02 đoạn • Đoạn dây thở bằng Silicon dài \geq 120cm: 01 đoạn • Cút chữ Y: 01 cái 	Bộ	5
371	Bộ Dây thở silicon dùng nhiều lần cho máy thở	Bộ dây thở bằng Silicon dùng nhiều lần cho máy thở. Cấu hình gồm có: <ul style="list-style-type: none"> • Đoạn dây thở bằng Silicon dài \geq 60cm: 04 đoạn • Đoạn dây thở bằng Silicon dài \geq 45cm: 01 đoạn • Bẫy nước: 02 cái • Cút chữ Y: 01 cái 	Bộ	5
372	Bộ canyn mũi người lớn máy TNI softFlow 50	Lưu lượng: \geq 60L/phút gồm adapter kết nối máy chính, dây canula, tương thích máy thở TNI softFlow 50/ Đức	Bộ	2
373	Bóng bóp sơ sinh	Bộ bóng bóp cấp cứu bằng Silicon có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ cao và sử dụng nhiều lần <ul style="list-style-type: none"> • Dùng cho trẻ sơ sinh • Mặt nạ thở sơ sinh cỡ số 1 • Thể tích \geq 280ml • Túi chứa khí \geq 1000ml 	Cái	3
374	Bóng bóp người lớn	Bộ bóng bóp cấp cứu bằng Silicon có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ cao và sử dụng nhiều lần <ul style="list-style-type: none"> • Dùng cho người lớn • Mặt nạ thở người lớn cỡ số 5 • Thể tích \geq 1600 ml • Túi chứa khí \geq 2700 ml 	Cái	5
375	Bao huyết áp máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn, máy theo dõi bệnh nhân	Chất liệu: Nylon TPU dùng nhiều lần. Kích thước 25cm-35cm tương thích với các loại máy theo dõi bệnh nhân và máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn	Cái	25
376	Bản cực trung tính dùng cho dao mổ điện	Kích thước: Kích thước miếng dán tối đa (D/R) [cm]: 20 / 11,2 Diện tích mặt dán [cm ²]: \geq 195 Diện tích nhôm [cm ²]: \geq 123 Diện tích dẫn điện [cm ²]: \geq 143 Vật liệu: Chất liệu mặt dán: Bột xốp Keo dính: Acrylic y tế	Cái	200

	Vật liệu dẫn điện: Nhôm Gel: Polyhesive Hydrogel Lớp lót : Lá silicon		
Tổng: 376 mặt hàng			

Phụ lục 02

(Kèm theo Thông báo số 11/TB-BVĐK ngày 21/01/2026 của BVĐK Yên
Phong)

Mẫu báo giá BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hoá như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa:

STT	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí ⁽⁸⁾ (VND)	Thuế suất (%) ⁽⁹⁾	Thành tiền ⁽¹⁰⁾ (VND)
1									
2									
n	...								

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng.... năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹¹⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 11.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục hàng hóa”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hàng hóa.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí tương ứng với từng hàng hóa.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi thuế suất của từng mặt hàng (%)

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.